



► Tổng thuật Chính sách

Tháng 7 năm 2023

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát ^{1*} Tổng quan về khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Nội dung chính

- Bản tổng thuật này phân tích diễn biến của tiền lương tối thiểu cả danh nghĩa và thực tế từ năm 2015 đến năm 2022. Tiền lương tối thiểu danh nghĩa là mức lương tối thiểu theo luật định hoặc do chính phủ hoặc các cơ quan có thẩm quyền quy định. Tiền lương tối thiểu thực tế xem xét tác động của lạm phát đối với sức mua của tiền lương danh nghĩa này.
- Bằng cách điều chỉnh theo lạm phát, mức lương tối thiểu thực tế có thể dùng để so sánh một cách thực chất sức mua của tiền lương tối thiểu trong các thời kỳ khác nhau, và là cơ sở để thấy rõ tác động của mức lương tối thiểu đối với chất lượng cuộc sống về mặt kinh tế của người lao động.
- Trước năm 2020, các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương thực hiện điều chỉnh lương tối thiểu nhiều hơn. Điều này cải thiện tích cực điều kiện sống của người lao động. Từ năm 2015 đến 2019, tại 22 quốc gia được nghiên cứu trong khu vực, mức lương tối thiểu thực tế tăng trung bình hàng năm là 2,5%.
- Tuy nhiên, có ba nước trong nhóm 22 quốc gia này (là Papua New Guinea, Sri Lanka và Timor-Leste) đã không điều chỉnh đáng kể mức lương tối thiểu, dẫn đến tiền lương tối thiểu thực tế trong giai đoạn 2015-2019 giảm.
- Ngược lại, từ cuối năm 2020 trở đi, lương tối thiểu thực tế trung bình ở các nước có xu hướng giảm do việc điều chỉnh lương tối thiểu không được tiến hành thường xuyên và mức điều chỉnh không đáng kể. Bên cạnh đó, tình trạng lạm phát gia tăng kéo dài do COVID-19 và tình hình càng trở nên trầm trọng hơn bởi cuộc xung đột ở Ukraina và khủng hoảng kinh tế/bất ổn chính trị ở một số quốc gia cụ thể. Thậm chí, một số nước đã tạm hoãn điều chỉnh lương tối thiểu trong giai đoạn này để hỗ trợ doanh nghiệp và bảo vệ việc làm.
- Nhìn chung, từ năm 2020 đến năm 2022, 15 nước trong số 22 quốc gia được nghiên cứu đã ghi nhận sự suy giảm sức mua của lương tối thiểu, dao động từ 2,2% đến 44,7%.

¹ Bản tổng thuật chính sách này do nhóm chuyên gia gồm Xavier Estupíñan, Chuyên gia về tiền lương thuộc Nhóm Chuyên gia về Việc làm Thỏa đáng (DWT) khu vực Châu Á và Thái Bình Dương; Anoop Satpathy, Chuyên gia tiền lương thuộc DWT Nam Á/Văn phòng Quốc gia Sri Lanka và Maldives; và Tiến sĩ Mohit Sharma, Học giả tại Trường Kinh tế Madras (MSE) cùng thực hiện.

* * Chúng tôi xin cảm ơn sự hỗ trợ và cộng tác của Phú Huỳnh trong quá trình xây dựng tài liệu này; các chuyên gia của ILO gồm Ding Xu, Dong Eung Lee, Wade Bromley, Ravi Peiris, Ravindra Samithadasa, Yuki Otsuji, Ariel Castro, Pong-Sul Ahn và Sultan Ahmmed vì những ý kiến nhận xét và gợi ý sâu sắc của họ; Chanitda Wiwatchanon vì đã hỗ trợ hiệu đính, chỉnh sửa và định dạng; và Catharina Haensel, thực tập sinh, đã tham gia chuẩn bị một số số liệu thống kê.

Trách nhiệm về các ý kiến được đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu và đóng góp khác thuộc về các tác giả của các tài liệu đó và việc xuất bản tổng thuật chính sách này không cấu thành sự chứng thực cho các quan điểm thể hiện trong tài liệu từ các cơ quan tổ chức mà các tác giả là thành viên.

► Giới thiệu

Bản tổng thuật chính sách này được xây dựng nhằm nêu rõ cách thức một số quốc gia ở Châu Á và Thái Bình Dương đã sử dụng mức lương tối thiểu như một thiết chế thị trường lao động để đảm bảo thu nhập của người lao động được bảo vệ đầy đủ trong cuộc khủng hoảng COVID-19 và trong thời kỳ lạm phát hậu quả từ cuộc chiến Ukraina. Để đạt được mục tiêu nêu trên, bản tổng thuật chính sách này nghiên cứu sự khác nhau trong việc thiết lập và điều chỉnh mức lương tối thiểu trước và sau đại dịch. Tài liệu này cũng cho thấy áp lực lạm phát đã và đang làm suy giảm sức mua của lương tối thiểu ở các quốc gia trong khu vực ra sao.

Theo Báo cáo Tiền lương Toàn cầu 2022-2023 của ILO, đại dịch COVID-19 và lạm phát toàn cầu đã gây nên những tác động bất lợi đến tiền lương và sức mua. Chính vì vậy, nhiều quốc gia đã và đang ghi nhận mức tăng trưởng tiền lương thực tế âm, điều này đặc biệt tác động đến những người lao động có thu nhập thấp - nhóm bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Tình thế không mong muốn này càng làm trầm trọng thêm những tổn thất đáng kể mà người lao động và gia đình họ đã phải gánh chịu trong đại dịch, dẫn đến khủng hoảng về chi phí sinh hoạt. Những tác động của cuộc khủng hoảng này còn sâu rộng hơn do thu nhập thực tế bị suy giảm có thể làm gia tăng bất bình đẳng và góp phần gây nên bất ổn xã hội nếu thiếu đi những điều chỉnh chính sách phù hợp (ILO, 2022).

Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích diễn biến của cả lương tối thiểu danh nghĩa và lương tối thiểu thực tế từ năm 2015 đến năm 2022. Lương tối thiểu thực tế² đưa ra đánh giá chính xác hơn về thu nhập của người lao động trong mối tương quan với chi phí sinh hoạt. Không giống như mức lương tối thiểu danh nghĩa là con số tỷ lệ thể hiện mức lương tối thiểu theo luật định hoặc do thương lượng được do chính phủ hoặc các cơ quan có thẩm quyền quy định, mức lương tối thiểu thực tế xem xét tác động của lạm phát đối với sức mua của những mức lương danh nghĩa này. Bằng cách điều chỉnh theo lạm phát, mức lương tối thiểu thực tế cho phép so sánh một cách thực chất sức mua của mức lương tối thiểu trong các thời kỳ khác nhau, và là

cơ sở để thấy rõ tác động của mức lương tối thiểu đối với chất lượng cuộc sống về mặt kinh tế của người lao động.

Trong bản tổng thuật chính sách này, chúng tôi nghiên cứu 22 quốc gia³ trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có hệ thống lương tối thiểu, sử dụng dữ liệu có sẵn của các quốc gia này để phân tích quỹ đạo của lương tối thiểu theo giá trị thực trước và sau cuộc khủng hoảng COVID-19. Trọng tâm chính của chúng tôi là tìm hiểu về giá cả trong khu vực tăng lên thì tác động đối với mức lương tối thiểu thực tế sẽ như thế nào. Mục tiêu của chúng tôi là đánh giá xem các hệ thống tiền lương tối thiểu đã thay đổi như thế nào trước sự biến động của các điều kiện kinh tế và xã hội bằng cách điều chỉnh tiền lương danh nghĩa để bảo vệ người lao động trước sự suy giảm sức mua. Hơn nữa, rất cần ghi nhận sự cần thiết của các biện pháp hỗ trợ thay thế để chống việc tăng giá, đặc biệt là ở những nước có phạm vi điều chỉnh mức lương tối thiểu hạn chế hoặc việc làm phi chính thức phổ biến.

Kết luận từ nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt trong các chính sách tiền lương tối thiểu ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong và sau đại dịch COVID-19. Trước khủng hoảng, nhiều quốc gia đã tích cực triển khai các biện pháp tăng lương tối thiểu thực tế đặc biệt nếu kinh tế tăng trưởng mạnh. Trong và sau đại dịch, một số quốc gia đã không thực hiện được điều chỉnh lương tối thiểu đáng kể và kịp thời. Tình trạng này làm dấy lên mối lo ngại về khả năng người lao động và gia đình họ có thể đối phó được với cuộc khủng hoảng tăng giá cả sinh hoạt khi sức mua của họ mỗi tháng lại giảm đi, đẩy họ vào nguy cơ đói nghèo và khốn khó.

I. Xu hướng lạm phát ở Châu Á - Thái Bình Dương⁴

Đại dịch COVID-19 và cuộc xung đột ở Ukraina đều tác động tới tình trạng lạm phát ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nguyên nhân gây nên lạm phát được cho là do sự kết hợp của nhiều yếu tố như những biện pháp hạn chế liên quan đến COVID-19, các khoản nợ công tích tụ, chính sách tiền tệ lỏng lẻo và trở ngại về nguồn cung (GWR, 2022-2023). Cuộc xung đột ở Ukraina cũng đã ảnh hưởng và làm trầm trọng thêm tình trạng giá cả leo thang trên

² Để điều chỉnh ảnh hưởng của sự thay đổi giá cả trong các thời kỳ khác nhau, tiền lương tối thiểu được tính theo giá trị thực, tức là dữ liệu tiền lương danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát giá tiêu dùng của quốc gia tương ứng.

³ Chúng tôi lựa chọn các quốc gia có hệ thống tiền lương tối thiểu có sẵn dữ liệu về thông tin chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng hoặc hàng quý cũng như dữ liệu tiền lương tối thiểu từ năm 2015-2022.

⁴ Số liệu về lạm phát được thu thập từ các cơ quan thống kê hoặc ngân hàng trung ương của từng quốc gia.

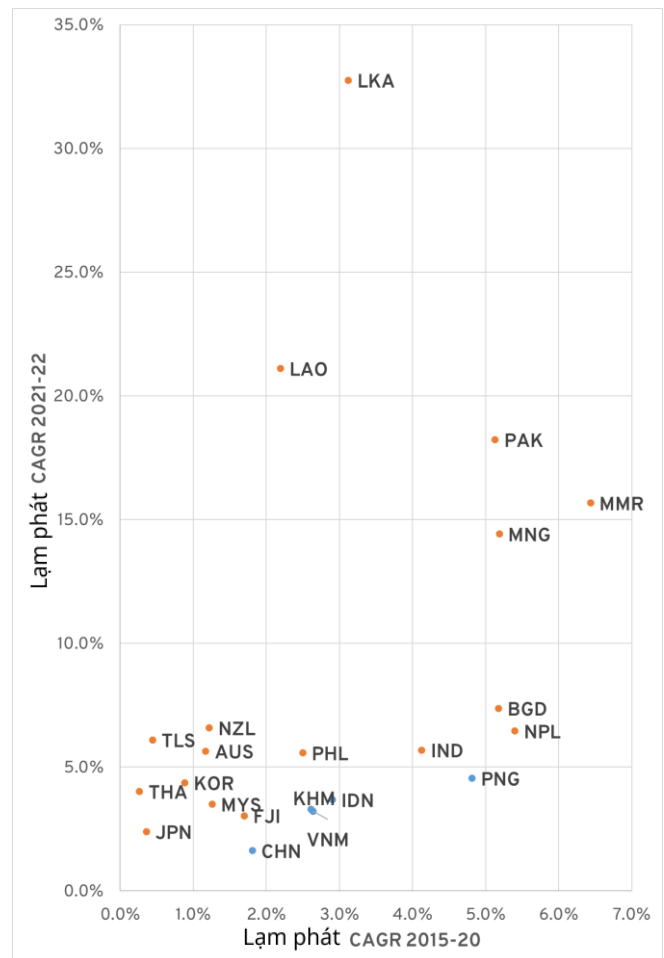
toàn thế giới. Bên cạnh đó, ở một số quốc gia trong khu vực như Myanmar, Pakistan và Sri Lanka, khủng hoảng chính trị và/hoặc kinh tế bùng phát và tiếp diễn càng đẩy các quốc gia này vào tình trạng lạm phát gia tăng nghiêm trọng hơn. Do vậy, mức độ tác động cũng khác nhau giữa các quốc gia trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (ADB, 2022). Chẳng hạn như, theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP), một số quốc gia, ví dụ Sri Lanka, Campuchia và Pakistan, có liên quan tới cuộc xung đột ở Ukraina nhiều hơn các quốc gia khác trong khu vực (ESCAP, 2022).

Tình trạng giá cả leo thang thể hiện rõ ở các hộ gia đình có thu nhập thấp, họ chủ yếu làm việc trong nền kinh tế phi chính thức. Tình trạng này ảnh hưởng đến hầu hết các mặt hàng thiết yếu trong giỏ hàng hóa tiêu dùng của họ. Việc lương tối thiểu không được giám sát thực thi đầy đủ và mức độ không tuân thủ cao càng làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương của họ. Điều này dẫn đến sự lo ngại đối với những người lao động dễ bị tổn thương nhất và thu nhập của họ tính theo giá trị thực. Mặc dù lạm phát tiếp tục gia tăng ở nhiều nền kinh tế trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, ở những nơi khác trên toàn cầu lại ghi nhận những xu hướng giống nhau, như vậy rõ ràng là yếu tố chính đằng sau quỹ đạo đi lên này là chi phí leo thang kèm theo sự leo thang giá năng lượng và thực phẩm (IMF, 2023).

Ví dụ các nền kinh tế nhỏ hơn đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi áp lực lạm phát tăng vọt. Những áp lực này đã tạo gánh nặng đáng đối với nền kinh tế của họ và sức mua của người lao động. Ví dụ, năm 2021 và 2022, tỷ lệ lạm phát lên tới hai con số đã tăng mạnh ở Mông Cổ, Pakistan, Sri Lanka, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Myanmar (Hình 1). Thêm vào đó, Myanmar hiện đang phải vật lộn với cuộc khủng hoảng chính trị vốn đã gây bất ổn nghiêm trọng cho nền kinh tế, làm trầm trọng thêm mức độ căng thẳng tài chính của các hộ gia đình dễ bị tổn thương.

Trong cùng thời kỳ, đáng chú ý là các nước có thu nhập cao cũng phải đối mặt với tỷ lệ lạm phát cao so với mức trung bình trong lịch sử. Ví dụ, Australia và New Zealand đã ghi nhận các xu hướng lạm phát cao bất thường. Một trường hợp khác là Nhật Bản, nước được biết đến với mức lạm phát thấp và đôi khi còn giảm phát, giá cả đã tăng tổng cộng 6,4% kể từ năm 2015, chủ yếu là do giá cả tăng trong năm 2021 và 2022. Tương tự, Hàn Quốc đã ghi nhận mức đỉnh lạm phát lên tới 7,5% trong năm 2021. Những ví dụ trên cho thấy các tình huống lạm phát đặc thù mà các quốc gia này phải đối mặt trong thời kỳ này.

Hình 1. So sánh tỷ lệ lạm phát trung bình, 2015-2020 so với 2021-2022, Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) %



Nguồn: Ước tính của tác giả.

Trong số các quốc gia có thu nhập trung bình cao (và thực tế là trong số tất cả các quốc gia trong khu vực), Trung Quốc nổi lên là quốc gia duy nhất không ghi nhận tình trạng giá cả tăng cao sau khủng hoảng. Tuy nhiên, các quốc gia còn lại trong nhóm này, được biết đến là các nền kinh tế đang phát triển, lại lộ diện một loạt các mô hình lạm phát hậu khủng hoảng. Malaysia trải qua đỉnh lạm phát cao nhất trong bốn năm ở mức 3,2% vào năm 2021. Indonesia và Thái Lan đã trải qua giai đoạn giá cả tăng cao kể từ khi đại dịch bùng phát, dẫn đến tỷ lệ lạm phát năm 2022 tăng hơn gấp đôi so với năm 2021. Bên cạnh đó, Fiji gặp tình trạng lạm phát biến động hơn do các yếu tố như thiên tai, quốc gia này ghi nhận tỷ lệ lạm phát tăng trong năm 2022.

Sau cuộc khủng hoảng COVID-19, hầu hết các quốc gia có thu nhập trung bình thấp ở Đông và Đông Nam Á đều phải đối diện với tình trạng giá cả tăng đáng kể trong

năm 2022, ngoại trừ Campuchia và Papua New Guinea. Trong số các quốc gia này, một số quốc gia đã ghi nhận tỷ lệ lạm phát tăng đáng kể trong năm 2021 và 2022. Đặc biệt, tỷ lệ lạm phát ở Philippines, Myanmar và Mông Cổ đã tăng hơn gấp đôi, cho thấy tác động đáng kể của lạm phát trong thời kỳ này. Hơn nữa, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Timor-Leste đã ghi nhận tỷ lệ lạm phát tăng khoảng 10 lần so với thời kỳ trước đó.

Ở khu vực Nam Á, một số quốc gia phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng vọt do nhiều yếu tố như giá lương thực và nhiên liệu tăng cao, đồng tiền mất giá và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Trong số các quốc gia này, Sri Lanka, Pakistan và Bangladesh đã bị ảnh hưởng đặc biệt, với việc giá lương thực và các mặt hàng thiết yếu leo thang trở thành một mối quan ngại đáng kể. Tình trạng này đã làm giảm sức mua của các cá nhân và hộ gia đình, tạo thêm những thách thức đối với chất lượng cuộc sống và ổn định kinh tế của họ.

Nhìn chung, giá lương thực và năng lượng tăng cao ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là nỗi lo của các hộ gia đình có thu nhập thấp hơn. Như đã nêu trong *Báo cáo Tiền lương Toàn cầu 2022-2023*, một phần đáng kể trong tiêu dùng của các hộ gia đình là chi tiêu cho các mặt hàng thiết yếu này. Do đó, tác động của chi phí sinh hoạt đối với những người lao động dễ bị tổn thương và kéo theo đó là tác động đối với thu nhập của họ tính theo giá trị thực là mối quan ngại lớn.

Thêm vào đó, hơn một nửa số người có mức lương dưới mức tối thiểu và tối thiểu nằm ở khúc dưới của bảng phân phối thu nhập. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các biện pháp can thiệp kịp thời và hỗ trợ của chính phủ để giải quyết những thách thức mà những người lao động này và gia đình họ phải đối mặt. Để đảm bảo phúc lợi và bảo vệ sinh kế của họ, cũng đòi hỏi phải có các biện pháp chủ động để giảm bớt gánh nặng giá cả tăng cao và bảo vệ sức mua của những người lao động này.

II. Mức lương tối thiểu của các nước trong khu vực

Vai trò của tiền lương tối thiểu trong bối cảnh lạm phát

Tiền lương tối thiểu có thể đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mức lương thỏa đáng cho những

người lao động được trả lương thấp, giúp giảm bất bình đẳng và tình trạng dù có việc làm vẫn nghèo khó. Các nghiên cứu đã cho thấy tác động tích cực đáng kể của tiền lương tối thiểu đối với thu nhập của người lao động (Card & Krueger, 2000; Dube, 2019; Mansoor và O'Neil, 2022; Neumark, 2014). Hơn nữa, nhờ hiệu ứng thu nhập tích cực, các nghiên cứu đã phát hiện sự dịch chuyển có lợi từ thu nhập cao hơn sang tiêu dùng đối với những người lao động được trả lương thấp (Mansoor và O'Neil, 2022).

Lạm phát đang làm giảm sức mua của tiền lương tối thiểu trên toàn thế giới, ảnh hưởng đến 160 triệu người lao động⁵ ở Châu Á và Thái Bình Dương là những người được trả lương bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu (ILO, 2021). Xét đến tác động tích cực của tiền lương tối thiểu đối với thu nhập của người lao động và mức tiêu dùng của họ, lạm phát gia tăng có nguy cơ tác động tiêu cực đến mức tiêu dùng của các hộ gia đình nghèo làm các công việc giản đơn. Do đó, việc xác lập mức lương tối thiểu phù hợp và điều chỉnh định kỳ là cần thiết để bảo vệ người lao động khỏi bị trả lương quá thấp và thậm chí tránh việc người lao động bị rơi vào tình trạng đói nghèo và đảm bảo rằng tiền lương của họ duy trì được sức mua, bù đắp sự thiếu hụt từ lạm phát.

Việc điều chỉnh tiền lương để theo kịp lạm phát và mang lại cho những người lao động được trả lương thấp và gia đình họ một mức sống thỏa đáng là rất quan trọng. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, việc tăng lương ở mức đáng kể có thể lại là thách thức hoặc được coi là rủi ro xét từ góc độ tác động tiêu cực tiềm ẩn của nó đối với việc làm, đặc biệt là trong khu vực chính thức. Tình trạng này đặc biệt đúng ở những quốc gia đã có mức lương tối thiểu tương đối cao so với mức lương trung vị và những quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế COVID-19 đến việc làm và năng suất lao động. Trong bối cảnh đó, các thể chế thị trường lao động lành mạnh phải kêu gọi các đối tác xã hội tham gia đối thoại xã hội dựa trên bằng chứng để đề xuất điều chỉnh lương tối thiểu kịp thời có tính đến nhu cầu của người lao động và gia đình họ cũng như các yếu tố kinh tế.

Theo Báo cáo Tiền lương toàn cầu 2022-2023, tỷ lệ lạm phát đang làm giảm sức mua của tiền lương tối thiểu, ảnh hưởng đến những người làm công ăn lương trên toàn thế giới là những người có mức thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu theo giờ. Giá cả tăng không chỉ ảnh hưởng đến tiền lương tối thiểu mà còn có

⁵ Theo Báo cáo tiền lương toàn cầu 2020-2021, khoảng 134 triệu người lao động ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nhận lương dưới ngưỡng lương tối thiểu.

thể ảnh hưởng đến các mức lương dưới ngưỡng đó. Do đó, vấn đề quan trọng là phải mở rộng phạm vi bao phủ của tiền lương tối thiểu cho tất cả các nhóm người làm công ăn lương và tăng cường các biện pháp tuân thủ để đảm bảo phúc lợi của những người lao động nhận lương dưới mức lương tối thiểu được bảo vệ đầy đủ và hiệu quả.

Việc cải thiện các hệ thống lương tối thiểu trong bối cảnh khủng hoảng chi phí sinh hoạt đòi hỏi phải tiến hành đối thoại xã hội thực chất dựa trên bằng chứng.

Cách tiếp cận này đóng vai trò quan trọng nhằm ngăn chặn sự suy giảm sức mua của hàng triệu người lao động trong khu vực. Hơn nữa, phải tính đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp do họ tạo ra nhiều cơ hội việc làm. Việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu một cách đầy đủ và kịp thời có khả năng cải thiện đáng kể mức sống của các hộ gia đình có thu nhập thấp và là một cơ chế có thể dự đoán được dựa trên bằng chứng để doanh nghiệp đưa ra các quyết định hiệu quả.

86% các quốc gia thành viên của ILO ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện áp dụng lương tối thiểu theo luật định, mặc dù có sự khác biệt đáng kể trong hệ thống tiền lương của các quốc gia này (ILO, 2020). Các hệ thống này khác nhau ở nhiều khía cạnh trong đó có phạm vi điều chỉnh, tần suất điều chỉnh, số lượng mức lương tối thiểu, cơ chế tham vấn, tiêu chí xác lập mức lương tối thiểu và các biện pháp đảm bảo thực thi. Chính vì vậy, các hệ thống khác nhau này dẫn đến các kết quả áp dụng lương tối thiểu khác nhau và mức độ bảo vệ cũng khác nhau.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là từ năm 2015 đến năm 2019, trước đại dịch COVID-19, các chính sách tiền lương trong khu vực đã được cải thiện đáng kể, đóng vai trò quan trọng trong việc định hình lại hệ thống lương tối thiểu ở các quốc gia theo hướng tốt hơn.

So sánh mức lương tối thiểu hàng tháng ở Châu Á và Thái Bình Dương tính theo đồng Đô la Mỹ (US\$) và tính theo sức mua tương đương (PPP\$), năm 2015 và 2019

Chính sách lương tối thiểu đã định hình các mức lương tối thiểu trong khu vực như thế nào?

Trong năm 2019, mức lương tối thiểu hàng tháng được biểu thị bằng đồng đô la ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cho thấy ba nhóm khác biệt dựa trên giá trị của lương tối thiểu (xem Hình 2):

- Các quốc gia có mức lương tối thiểu trên mốc 1.400 đô la,
- Các quốc gia (hoặc Bang) có mức lương tối thiểu từ 200 đến 300 đô la,
- Các quốc gia (hoặc Bang) có mức lương dưới 200 đô la.

Ở hầu hết các quốc gia áp dụng nhiều mức lương tối thiểu, chúng tôi đã chọn sử dụng giá trị trung vị làm đại diện. Tuy nhiên, đối với Ấn Độ⁶, chúng tôi đã áp dụng cách tiếp cận hơi khác. Trong trường hợp của Ấn Độ, chúng tôi đã xem xét mức lương tối thiểu của lao động phổ thông của ba Bang/Vùng lãnh thổ Liên minh riêng biệt (Xem Hộp 1).

► Hộp 1. Cách tiếp cận tiêu chuẩn để so sánh tiền lương tối thiểu giữa các quốc gia

Để so sánh mức lương tối thiểu ở Châu Á và Thái Bình Dương cần phải áp dụng một cách tiếp cận chuẩn hóa để đảm bảo phân tích chính xác. Sử dụng cùng một loại tiền tệ và cùng đơn vị thời gian giúp hiểu rõ hơn về thu nhập của người lao động ở mỗi quốc gia. Tuy nhiên, quan trọng là phải xem xét thêm các yếu tố ngoài mệnh giá của tiền lương tối thiểu. Mức lương tối thiểu được công bố thường là con số trước khi khấu trừ thuế và các khoản bảo hiểm xã hội người lao động phải đóng. Thêm vào đó, mỗi nước lại có giờ làm việc, ngày nghỉ lễ và ngày nghỉ phép có lương khác nhau, có thể khiến việc so sánh khó hơn.

Việc lựa chọn một mức lương tối thiểu mang tính đại diện để so sánh là rất quan trọng, đặc biệt là ở các quốc gia có nhiều mức lương tối thiểu⁷, tiền lương theo khu vực, ngành, nghề và trình độ kỹ năng. Để chuyển đổi tiền lương tối thiểu sang mức lương hàng tháng cần tính đến số giờ làm việc toàn thời gian theo luật định và giả định về số ngày làm việc tiêu chuẩn.

Điều quan trọng cần lưu ý là nếu chỉ sử dụng đô la Mỹ để so sánh thì có thể sẽ không phản ánh được đầy đủ sức mua của lương tối thiểu ở mỗi quốc gia. Cần tính đến sự khác biệt về chi phí sinh hoạt và giá cả hàng hóa và dịch vụ khi so sánh mức lương tối thiểu giữa các quốc gia, chẳng hạn như thông qua sức mua tương đương (PPP) hoặc cân nhắc giá cả địa phương.

Phương pháp lựa chọn này cho phép chúng tôi xem xét một loạt các giá trị lương tối thiểu, bao gồm cả những giá trị thấp, trung vị và cao, từ đó đưa ra một cái nhìn toàn diện

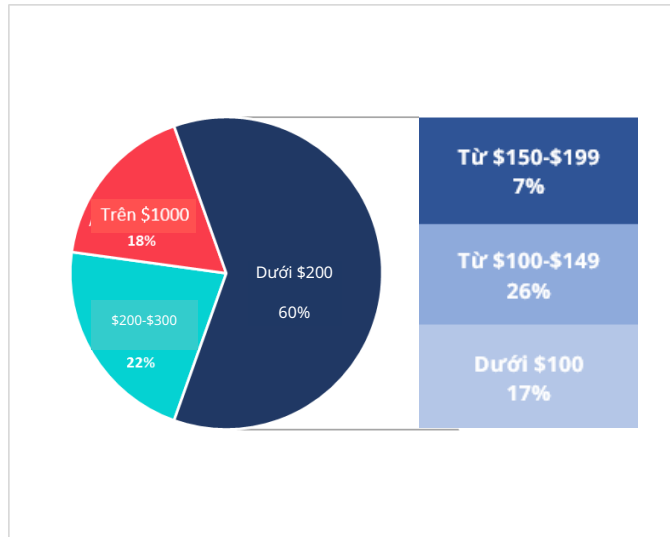
⁶ Ấn Độ là quốc gia có một trong những hệ thống lương tối thiểu phức tạp nhất ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, với hơn 2.000 mức lương tối thiểu. Chính quyền bang và Vùng lãnh thổ Liên minh có quyền tự quyết định mức lương tối thiểu. Đối với bản tổng thuật chính sách này, chúng tôi đã xem xét ba mức lương tối thiểu của Bang/Lãnh thổ Liên minh dành cho người lao động phổ thông: Nagaland, Punjab và Lãnh thổ

Liên minh Delhi, đại diện cho mức lương tối thiểu thấp, trung bình và cao của Ấn Độ.

⁷ Lưu ý: Trong phân tích này, các giá trị trung vị được sử dụng cho 32 mức lương tối thiểu cấp tỉnh ở Trung Quốc, 34 mức lương tối thiểu cấp tỉnh ở Indonesia, mức lương tối thiểu phi nông nghiệp thấp nhất ở 17 vùng ở Philippines, mức lương tối thiểu vùng ở Thái Lan, mức lương tối thiểu của

hơn về viễn cảnh lương tối thiểu cho người lao động phổ thông của mỗi nước.

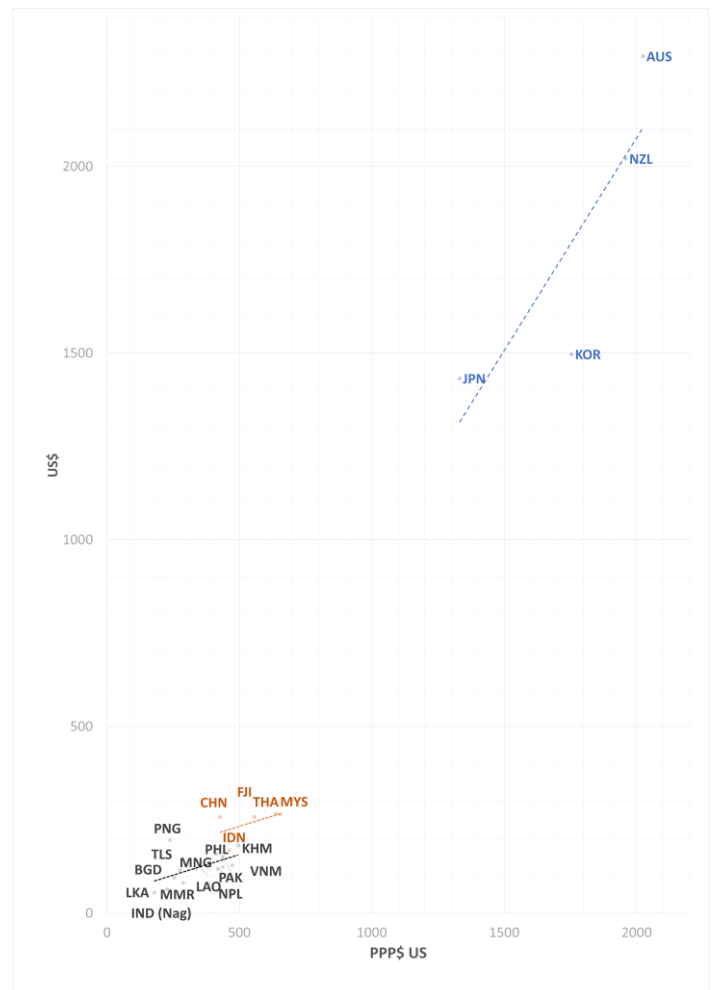
Hình 2. Tỷ lệ quốc gia hoặc bang chia theo mức lương tối thiểu tính bằng đô la Mỹ, 2019



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên mức lương tối thiểu của 22 quốc gia được phân tích ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Xem chú thích số 6.

So sánh bằng đô la Mỹ cũng cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa mức lương tối thiểu ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và mức độ phát triển kinh tế, đo bằng GDP bình quân đầu người. Hình 3 đưa ra biểu đồ trực quan cho thấy ba nhóm mức lương tối thiểu tính bằng đô la Mỹ được phân loại tương ứng vào các nhóm thu nhập cao, trung bình cao và trung bình thấp của các quốc gia theo Phân loại phân tích của Ngân hàng Thế giới như thế nào. Trong nhóm 22 quốc gia, mức lương tối thiểu hàng tháng trong năm 2019 có sự chênh lệch đáng kể, từ 56 đô la Mỹ đến 2.296 đô la Mỹ. Mức trung bình, tương ứng với 164 đô la Mỹ, là trung điểm của phổ lương này.

Hình 3. Lương tối thiểu hàng tháng của các quốc gia theo thu nhập (thu nhập cao, trung bình cao và trung bình thấp) ở Châu Á và Thái Bình Dương tính theo Đô la Mỹ và tính theo sức mua (PPP\$), năm 2019



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính toán mức lương tối thiểu, Cơ sở dữ liệu Triển vọng Kinh tế Thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế để tính tỷ lệ chuyển đổi PPP và Các chỉ số Phát triển Thế giới của Ngân hàng Thế giới để tính tỷ giá hối đoái.

Tính đến năm 2019, các quốc gia thu nhập cao ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có mức lương tối thiểu cao hơn. Các quốc gia này bao gồm Australia (2.296 USD), New Zealand (2.021 USD), Hàn Quốc (1.498 USD) và Nhật Bản

bốn tỉnh ở Pakistan cộng với Lãnh thổ Thủ đô Islamabad và mức lương tối thiểu ở bốn vùng của Việt Nam. Mức trung bình có trọng số của 47 mức lương tối thiểu của tỉnh ở Nhật Bản đã được sử dụng. Mức lương tối thiểu quốc gia được sử dụng cho Australia, New Zealand, Hàn Quốc, Fiji, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia (hoặc khu vực Hội đồng Thành phố hoặc Hội đồng Đô thị), Myanmar, Mông Cổ, Nepal (không bao gồm ngành chè nông trại), Papua New Guinea, Sri Lanka và Timor-Leste. Mức lương tối thiểu cho ngành may mặc đã được xem xét cho Campuchia và Bangladesh. Đối với Ấn Độ, khó để chọn một mức lương tối thiểu đại

diện trong số hơn 2.000 mức lương. Trong trường hợp này, chúng tôi đã lấy ba ví dụ của chính quyền bang về mức lương tối thiểu dành cho lao động phổ thông. Mức lương tối thiểu của Bang Nagaland (mức lương tối thiểu thấp nhất của lao động phổ thông), Bang Punjab (mức lương tối thiểu đại diện trung bình cho lao động phổ thông) và Lãnh thổ Liên minh Delhi, nơi mức lương tối thiểu cho lao động phổ thông có giá trị cao hơn tương đối so với các mức lương tối thiểu khác của Nhà nước áp dụng cho cùng một đối tượng lao động.

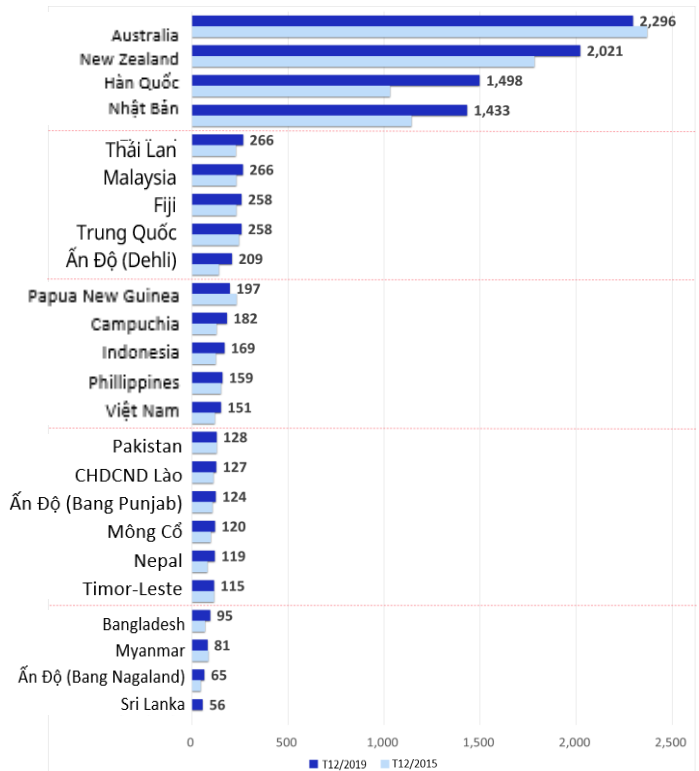
Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

(1.433 USD). Trong 4 năm trước đại dịch COVID-19, Hàn Quốc và Nhật Bản đã tăng lương tối thiểu đáng kể, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm lần lượt là 10% và 6% (Hình 4). New Zealand cũng tăng lương tối thiểu trung bình 3,2% mỗi năm.

Trong nhóm thứ hai gồm các quốc gia và Bang/vùng lãnh thổ Liên bang, chẳng hạn như Thái Lan (266 USD), Malaysia (266 USD), Fiji (258 USD), Trung Quốc (258 USD) và Lãnh thổ Liên minh Delhi ở Ấn Độ (209 USD), mức lương tối thiểu cao hơn đáng kể so với mức lương quan sát được ở nhóm đầu tiên có mức lương tối thiểu cao hơn trong khu vực. Năm 2015, Trung Quốc có mức lương tối thiểu cao nhất trong nhóm này (244 USD), trong khi Thái Lan có mức lương thấp nhất (228 USD). Tuy nhiên, tất cả các quốc gia trong nhóm thứ hai này đã tăng mức lương tối thiểu của họ ở các mức độ khác nhau trong bốn năm trước khủng hoảng, điều này đã làm thay đổi thứ hạng tương đối của họ vào năm 2019. Trong thời gian từ năm 2015 đến 2019, Ấn Độ (Lãnh thổ Liên minh Delhi), Thái Lan, Malaysia, Fiji và Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng hàng năm lần lượt là 10,5%, 4%, 3,6%, 2,9% và 1,4% (Hình 4).

Nhóm quốc gia thứ ba, bao gồm phần lớn (tức là 60%) các quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có giá trị lương tối thiểu thấp, thường dưới 200 đô la Mỹ (Xem Hình 4). Nhóm này cho thấy sự không đồng nhất cao hơn và khoảng cách giữa các giá trị cao hơn. Tuy nhiên, Campuchia và Nepal trở nên nổi bật nhờ mức tăng lương tối thiểu trung bình hàng năm cao hơn, ở mức khoảng 10% trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2019.

Hình 4. Lương tối thiểu hàng tháng tại Châu Á - Thái Bình Dương tính theo USD thực tế năm 2015 và 2019



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính toán mức lương tối thiểu và Chỉ số Phát triển Thế giới của Ngân hàng Thế giới để tính tỷ giá hối đoái.

Trong số các quốc gia thuộc nhóm có mức lương tối thiểu thấp (nghĩa là nhóm thứ ba), chúng tôi quan sát thấy có ba nhóm phụ:

- Các quốc gia có mức lương tối thiểu trên 150 đô la Mỹ nhưng chưa đến 200 đô la Mỹ, bao gồm Việt Nam (151 đô la Mỹ), Philippines (159 đô la Mỹ), Indonesia (169 đô la Mỹ), Campuchia (182 đô la Mỹ) và Papua New Guinea (197 đô la Mỹ).
- Các quốc gia có mức lương tối thiểu từ 100 USD đến 150 USD, bao gồm Pakistan (128 USD), Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (127 USD), Punjab-Ấn Độ (124 USD), Mông Cổ (120 USD), Nepal (119 USD) và Timor-Leste (115 đô la Mỹ).
- Các quốc gia có mức lương tối thiểu dưới 100 đô la Mỹ, bao gồm Bangladesh (95 đô la Mỹ), Myanmar (81 đô la Mỹ), Nagaland-Ấn Độ (65 đô la Mỹ) và Sri Lanka (56 đô la Mỹ).

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2019, 21 trên 22 quốc gia đã điều chỉnh mức lương tối thiểu ít nhất một lần, dẫn đến tốc độ tăng trưởng trung bình chung là 3,7% tính theo đô la Mỹ. Riêng Timor-Leste là trường hợp ngoại

lệ, quốc gia này không điều chỉnh mức lương tối thiểu trong thời gian này. Trong số các quốc gia đã tiến hành điều chỉnh - Bangladesh, Fiji, Nagaland - Ấn Độ và Papua New Guinea chỉ điều chỉnh mức lương tối thiểu một lần; trong khi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Myanmar đã điều chỉnh lương tối thiểu hai lần.

Một cách chính xác hơn để so sánh tiền lương tối thiểu là sử dụng ngang giá sức mua tương đương (PPP) thay vì tính bằng đô la Mỹ (Hộp 1). Điều này là do PPP xem xét chi phí sinh hoạt ở một quốc gia và điều chỉnh sự khác biệt về giá hàng hóa và dịch vụ, do đó phản ánh một cách thực tế hơn sức mua của những người nhận mức lương tối thiểu. Ví dụ, ở các quốc gia có chi phí sinh hoạt thấp hơn, những người nhận mức lương tối thiểu có thể đủ khả năng chi trả cho các mặt hàng thiết yếu như thực phẩm, nhà ở và chi phí chăm sóc sức khỏe. Ở các nước khác có chi phí sinh hoạt cao hơn, dù mức lương tối thiểu cao hơn cũng khó có thể đáp ứng được những nhu cầu này.

Khi chúng tôi tính đến chi phí sinh hoạt bằng cách sử dụng sức mua tương đương (PPP), sự khác biệt về mức lương tối thiểu giữa các quốc gia có thu nhập cao và thu nhập trung bình sẽ giảm đi. Đối với hầu hết các quốc gia có thu nhập cao, giá trị PPP của họ giảm, vì cùng một lượng đô la mang lại sức mua thấp hơn do chi phí hàng hóa và dịch vụ cao phổ biến ở các quốc gia này. Ví dụ, trong số 22 quốc gia được phân tích ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, giá trị trung bình của mức lương tối thiểu hàng tháng trong năm 2015 là 358 đô la Mỹ (PPP). Australia có mức lương tối thiểu hàng tháng cao nhất là 1.842 đô la Mỹ tính theo PPP, trong khi Bang Nagaland của Ấn Độ có mức lương tối thiểu hàng tháng thấp nhất là 162 đô la Mỹ tính theo PPP (Hình 5).

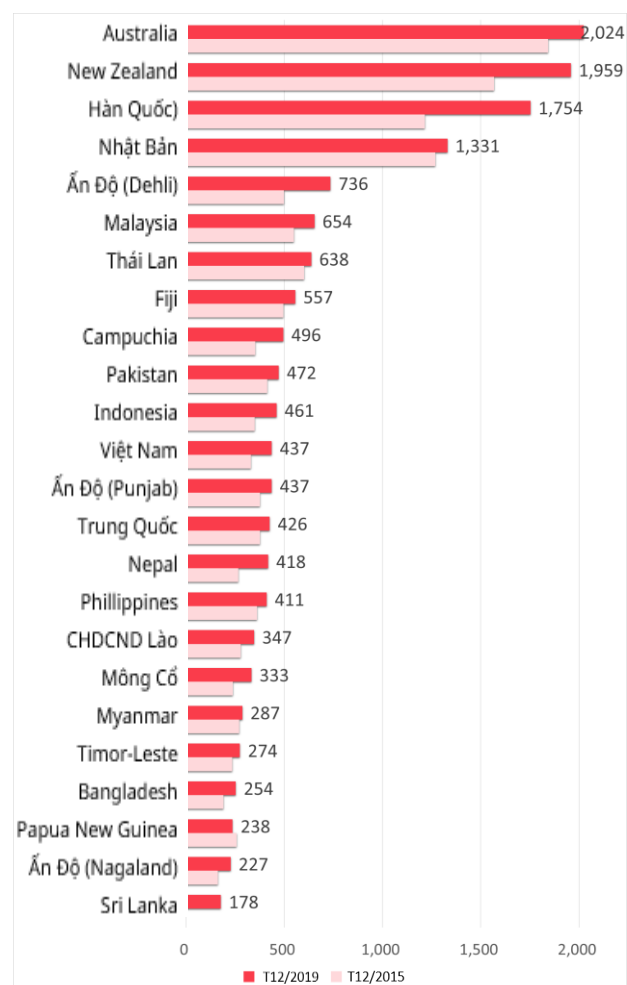
Năm 2019, trung vị mức lương tối thiểu theo tháng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được tính toán là 437 đô la Mỹ theo sức mua tương đương (PPP). Đáng chú ý, Australia có mức lương tối thiểu hàng tháng cao nhất là 2.024 đô la Mỹ, trong khi Sri Lanka có mức lương tối thiểu thấp nhất là 178 đô la Mỹ (PPP) (Hình 5). Bằng cách sử dụng các giá trị PPP, sự chênh lệch về mức lương tối thiểu giữa các quốc gia được bị thu hẹp, dẫn đến khó xác định các nhóm được phân định rõ ràng. Từ năm 2015 đến 2019, Hàn Quốc, Việt Nam, Campuchia, Malaysia và Indonesia đã có những bước tiến đáng kể trong việc cải thiện sức mua của lương tối thiểu. Đây là bước cải thiện đáng chú ý vì chi phí sinh hoạt của các quốc gia này tương đối thấp hơn so với các quốc gia có mức lương tối thiểu tương đương tính bằng đô la Mỹ.

Các quốc gia liên tục duy trì mức lương tối thiểu cao nhất trong cả hai năm 2015 và 2019 là Australia, New Zealand, Hàn Quốc và Nhật Bản. Các quốc gia này duy trì vị trí dẫn đầu về mức lương tối thiểu trong khu vực. Các quốc gia có mức lương tối thiểu hàng tháng thấp nhất

trong năm 2019 được quan sát thấy ở Sri Lanka (178 đô la Mỹ theo PPP), bang Nagaland của Ấn Độ (227 đô la Mỹ theo PPP), Papua New Guinea (238 đô la Mỹ theo PPP), Bangladesh (254 đô la Mỹ theo PPP), Timor-Leste (274 đô la Mỹ theo PPP), Myanmar (287 đô la Mỹ theo PPP), Mông Cổ (333 đô la Mỹ theo PPP) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (347 đô la Mỹ theo PPP).

Các quốc gia đã tăng thứ hạng gồm Philippines (411 đô la Mỹ theo PPP), Nepal (418 đô la Mỹ theo PPP), Trung Quốc (426 đô la Mỹ theo PPP), bang Punjab của Ấn Độ (437 đô la Mỹ theo PPP), Việt Nam (437 đô la Mỹ theo PPP), Indonesia (461 đô la Mỹ theo PPP), Pakistan (472 đô la Mỹ theo PPP), Campuchia (496 đô la Mỹ theo PPP), Fiji (557 đô la Mỹ theo PPP), Thái Lan (638 đô la Mỹ theo PPP), Malaysia (654 đô la Mỹ theo PPP) và Lãnh thổ Liên minh Delhi của Ấn Độ (736 đô la Mỹ theo PPP) đã đạt được tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện mức lương tối thiểu theo PPP (Xem Hình 5).

Hình 5. Lương tối thiểu hàng tháng ở Châu Á và Thái Bình Dương theo PPP\$ thực tế năm 2015 và 2019



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính toán mức lương tối thiểu và Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới để tính tỷ giá hối đoái.

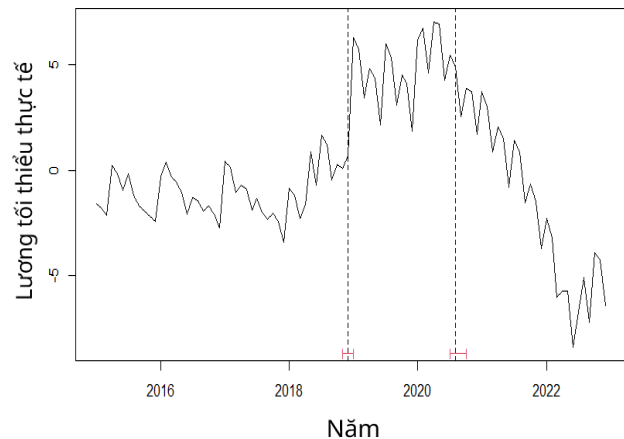
III. Nhận diện những đột phá về cơ cấu trong xu hướng lương tối thiểu thực tế 2015-2022

Giá trị thực của lương tối thiểu có thể bị giảm nếu thiếu đi các biện pháp kịp thời, điều này đã được minh chứng rõ ràng trong tình hình lạm phát hiện nay. Như đã đề cập ở trên, lương tối thiểu đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức mua của những người lao động được trả lương thấp và là công cụ giảm bất bình đẳng và nghèo đói (Mansoor và O'Neil, 2022). Do đó, việc đảm bảo mức lương tối thiểu phù hợp là khẩn thiết bằng cách tiến hành đánh giá thường xuyên và thực hiện các điều chỉnh cần thiết (GWR 2022-2023).

Trong phần này, chúng tôi sử dụng một công cụ thống kê, *phép kiểm tra đa gián đoạn Bai-Perron*, để xác định các điểm gián đoạn cấu trúc (Xem Hộp 2) trong lương tối thiểu thực tế và nghiên cứu tác động của lạm phát gần đây đối với tiền lương tối thiểu thực tế. Sự gián đoạn cấu trúc trong chuỗi lương tối thiểu thực tế vào thời điểm lương đang giảm thể hiện sự suy giảm đáng kể sức mua của hàng triệu người lao động được trả lương thấp. Khi nhận diện được bất kỳ sự gián đoạn nào như vậy, các nhà hoạch định chính sách cần phải hành động nhanh chóng để khôi phục sức mua. Trên thực tế, tính hiệu quả của chính sách lương tối thiểu phụ thuộc vào việc các nhà hoạch định chính sách chủ động ứng phó như thế nào với những gián đoạn cấu trúc của tiền lương tối thiểu thực tế.

Chúng tôi sử dụng phân tích thống kê này để xác định liệu có sự gián đoạn cấu trúc nào trong chuỗi lương tối thiểu thực tế⁸ của 22 quốc gia ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương từ năm 2015 đến năm 2022 hay không. Có giả định cho rằng lạm phát gia tăng trong thời kỳ hậu COVID do tắc nghẽn chuỗi cung ứng và môi trường kinh tế toàn cầu bất định do cuộc chiến ở Ukraina sẽ dẫn đến việc giảm lương tối thiểu thực tế nếu mỗi quốc gia không có hành động kịp thời. Hình 6 biểu thị chuỗi tiền lương tối thiểu thực tế với xu hướng giảm.

Hình 6. Mức lương tối thiểu thực tế được lập theo chỉ mục loại xu hướng với sự gián đoạn cấu trúc và khoảng tin cậy



Nguồn: Ước tính của tác giả về chỉ số tổng hợp tiền lương thực tế khu vực dựa trên cơ sở dữ liệu tiền lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu của 22 quốc gia trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và lạm phát (giá tiêu dùng) từ các cơ quan thống kê hoặc ngân hàng trung ương của mỗi quốc gia.

Các đường đứt đoạn trong hình 6 biểu thị tháng xảy ra gián đoạn cấu trúc và dấu ngoặc đồ biểu thị khoảng tin cậy. Chúng tôi đã phát hiện hai điểm gián đoạn cấu trúc trong phân tích của mình, một điểm tương ứng từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019 và điểm còn lại tương ứng với năm 2020 (Từ tháng 7 đến tháng 10). Việc loại xu hướng giúp chúng ta thấy các xu hướng phụ trong dữ liệu cơ bản.

Điểm gián đoạn cấu trúc đầu tiên cho thấy chỉ số lương tối thiểu thực tế năm 2019 đã chuyển từ xu hướng tăng sang mức ổn định hơn theo sức mua. Điều này cho thấy các quốc gia ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2019 đã điều chỉnh lương tối thiểu năng động hơn, giúp cải thiện hiệu quả mức sống của người lao động từ năm 2015 đến năm 2019, làm tăng lương tối thiểu theo giá trị thực.

Điểm gián đoạn cấu trúc thứ hai là lần gián đoạn nghiêm trọng nhất xảy ra vào cuối năm 2020, khi tác động của COVID-19 giáng đòn mạnh vào các nền kinh tế do sự đứt gãy chuỗi cung ứng. Sự sụt giảm tuyến tính của chỉ số tiền lương tối thiểu thực tế từ thời điểm này trở đi cho thấy rằng việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu là không đủ để chống đỡ tỷ lệ lạm phát tăng liên tục trong khu vực.

⁸ Cả dữ liệu về mức lương tối thiểu thực tế và lạm phát đều được thu thập từ các nguồn chính thức của quốc gia như cơ quan thống kê quốc gia, ngân hàng trung ương và bộ lao động.

Xung đột giữa Nga và Ukraina đã làm trầm trọng thêm xu hướng này vào năm 2022.

► Hộp 2. Kiểm tra gián đoạn cấu trúc

Nói một cách đơn giản, sự gián đoạn cấu trúc trong thống kê đề cập đến sự thay đổi hoặc dịch chuyển đáng kể trong mô hình hoặc hành vi của dữ liệu theo thời gian. Nó xảy ra khi có sự đứt đoạn hoặc gián đoạn rõ ràng trong mối quan hệ hoặc xu hướng cơ bản trong tập dữ liệu. Sự thay đổi này có thể xảy ra vì nhiều lý do, chẳng hạn như thay đổi về điều kiện kinh tế, thay đổi chính sách hoặc các yếu tố bên ngoài khác.

Kiểm tra sự gián đoạn cấu trúc là một công cụ kinh tế lượng cần thiết do nhiều yếu tố kinh tế xã hội có thể tác động tới các biến kinh tế vĩ mô. Trong trường hợp của chúng ta, một đại dịch y tế toàn cầu cộng thêm cuộc chiến ở Ukraina đã ảnh hưởng đến biến số kinh tế vĩ mô bao hàm các mục tiêu phúc lợi dự tính cần đạt được bằng chính sách tiền lương tối thiểu.

Với mục đích này, đầu tiên chúng tôi tạo ra một chuỗi các mức lương tối thiểu được lập chỉ mục bằng cách tạo chỉ số tổng hợp mức lương tối thiểu thực tế của tất cả 22 quốc gia ở Châu Á và Thái Bình Dương, sử dụng phép Phân tích thành phần chính (PCA). PCA là một kỹ thuật tập hợp thông tin về nhiều chỉ số thành một chỉ số tổng hợp có ý nghĩa.

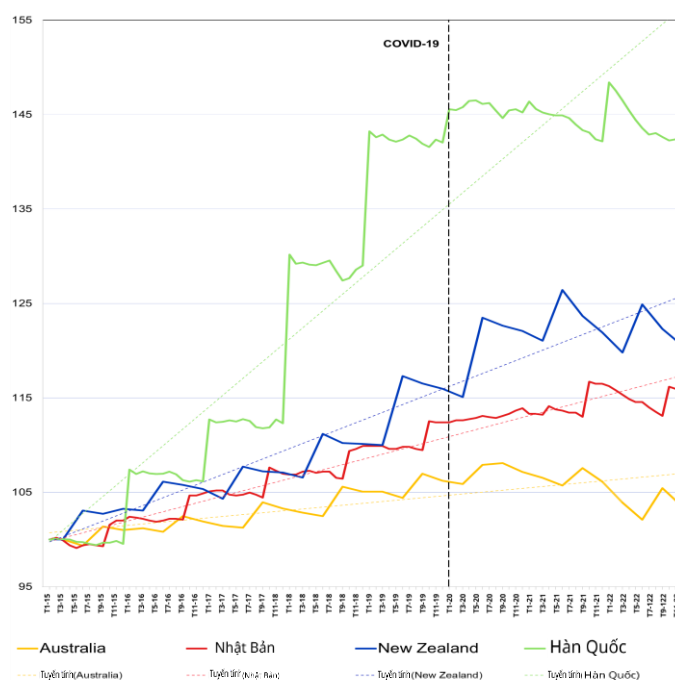
Để loại bỏ xu hướng bất kỳ khỏi chuỗi lương tối thiểu thực tế được lập chỉ mục, trước tiên, chúng tôi đã giảm xu hướng của chuỗi lương tối thiểu thực tế và sau đó tiến hành phép kiểm tra đa gián đoạn Bai-Perron để kiểm tra sự gián đoạn cấu trúc trong chuỗi lương tối thiểu thực tế được lập chỉ mục từ năm 2015 đến năm 2022 (Bai & Perron, 2003).

IV. Lương tối thiểu thực tế trong thời kỳ khủng hoảng⁹

Các quốc gia có thu nhập cao ở Châu Á và Thái Bình Dương, cụ thể là Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand và Australia, sở hữu các thể chế thị trường lao động vững mạnh, theo đó việc điều chỉnh lương tối thiểu định kỳ đã trở thành thực hành lâu năm. Hơn nữa, các quốc gia này đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc giải quyết các

vấn đề kinh tế và xã hội trong bối cảnh tương ứng của họ. Ví dụ, hình 7 cho thấy mức lương tối thiểu thực tế ở bốn quốc gia này đã tăng trong vài năm qua, mặc dù với tỷ lệ khác nhau. Ngoài ra, các xu hướng trung bình cho thấy Hàn Quốc đã cải thiện đáng kể mức lương tối thiểu thực tế trước cuộc khủng hoảng COVID-19 so với các quốc gia khác.

Hình 7. Chỉ số lương tối thiểu thực tế ở các nước có thu nhập cao, 2015-22 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và dữ liệu về lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cục Thống kê Australia, Cơ quan Thống kê Nhật Bản, Cơ quan Thống kê New Zealand và Dịch vụ Thông tin Thống kê Hàn Quốc.

Biểu đồ cũng minh họa những lần điều chỉnh thường xuyên và hàng năm đóng vai trò quan trọng như thế nào trong việc điều chỉnh để phù hợp với những thay đổi về chi phí sinh hoạt và các điều kiện kinh tế nói chung, nhằm duy trì hoặc tăng giá trị thực của tiền lương tối thiểu và chia sẻ thành quả của sự tiến bộ với những người có thu nhập thấp. Trong hình 7, các đỉnh trong đồ thị thể hiện các giai đoạn điều chỉnh lương tối thiểu còn các mức giảm phản ánh tác động của việc tăng giá đối với sức mua của lương tối thiểu. Ngoài ra, cuộc khủng hoảng và tỷ lệ lạm phát ngoài dự kiến đã ảnh hưởng đến xu hướng tăng tiền lương thực tế ở Nhật Bản, Australia và Hàn Quốc, gây ra sự sai lệch tạm thời so với quỹ đạo đã thiết lập. Những thay đổi trong tiền lương danh nghĩa và thực tế cụ thể của từng quốc gia được phân tích dưới đây.

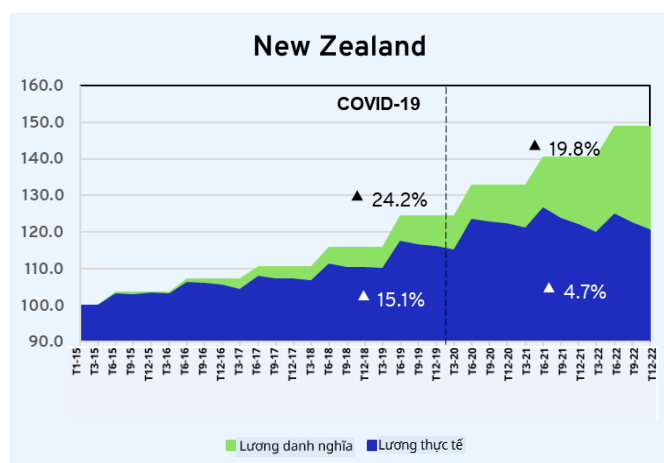
⁹ Hình A1 trong phần phụ lục biểu thị Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) theo quốc gia, trước và sau COVID, cho cả mức lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế.

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

Trong những năm sau đại dịch COVID-19, mặc dù Australia năm nào cũng điều chỉnh mức lương tối thiểu toàn quốc nhưng vẫn không theo kịp tỷ lệ lạm phát. Từ năm 2015 đến năm 2019, việc điều chỉnh mức lương tối thiểu toàn quốc áp dụng cho khoảng 2,2 triệu người lao động, dẫn đến tăng sức mua 6,2%. Tuy nhiên, trong thời kỳ đại dịch, mức tăng danh nghĩa bị giới hạn ở mức 1,7% vào năm 2020, 2,5% vào năm 2021 và 5,2% vào năm 2022. Bất chấp những nỗ lực này, lạm phát đã vượt xa tốc độ tăng lương nên tính đến tháng 12 năm 2022, mức cải thiện chung về sức mua chỉ đạt 3,5% kể từ năm 2015.

New Zealand đã và đang ghi nhận tình trạng tiền lương bị đồn xuống cuối dải phân phối, được duy trì bởi tiền lương tối thiểu và các chính sách trả lương công bằng (Maré, 2022). Năm 2022, lương tối thiểu tăng 1,20 đô la (tương đương 6%), ở mức 21,20 đô la mỗi giờ. Việc điều chỉnh đều đặn hàng năm trong thời kỳ hậu COVID, đặc biệt là trong năm 2020 và 2021, làm tăng lương thực tế của những người lao động được trả lương thấp (Xem đường màu xanh lam trong Hình 7). Tuy nhiên, mức tăng có hiệu lực từ tháng 4 năm 2022 đã cải thiện đáng kể giá trị thực của lương tối thiểu. Điều chỉnh lương tối thiểu danh nghĩa chung đã dẫn đến mức tăng 19,8% trong giai đoạn hậu khủng hoảng COVID và cải thiện sức mua thêm 4,7% (Xem hình 8). Về tổng thể, từ tháng 1 năm 2015, mức lương tối thiểu ở New Zealand đã tăng thêm 20,5% tính theo giá trị thực.

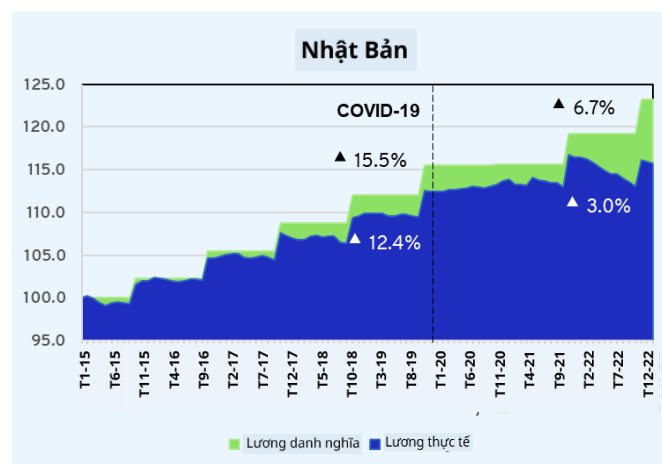
Hình 8. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của New Zealand, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cơ quan Thống kê New Zealand.

Mức lương tối thiểu trung bình theo giờ ở Nhật Bản đã tăng thêm 31 Yên vào năm 2022, mức tăng đáng kể nhất kể từ khi Nhật Bản bắt đầu thống kê về mức lương tối thiểu theo giờ vào năm 2002. Kể từ năm 2016, mức lương tối thiểu đã tăng ít nhất 3% trong bốn năm liên tiếp (vào tháng 10 hàng năm). Do lạm phát thấp và đôi khi còn giảm phát, mức tăng danh nghĩa tích lũy 15,5% tính đến tháng 1 năm 2020 đã cải thiện đáng kể về sức mua, đạt 12,4% (Hình 9).

Hình 9. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Nhật Bản, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cơ quan Thống kê Nhật Bản.

Năm 2020, do tác động của COVID-19, lương tối thiểu chỉ tăng ở mức khiêm tốn 1 Yên, dẫn đến mức trung bình trọng số là 902 Yên. Tuy nhiên, vào năm 2021, chính sách tiền lương tối thiểu năng động hơn đã được khôi phục trên cơ sở Chính sách cơ bản về Cải cách Quản lý Tài khóa và Kinh tế nhằm đạt được mức lương tối thiểu trung bình theo giờ theo trọng số quốc gia là 1.000 Yên. Mặc dù mức lương thực tế đã điều chỉnh theo lạm phát giảm 1,8% vào năm 2022, đến tháng 12 năm 2022, giá trị thực tế của mức lương tối thiểu vẫn cao hơn 15,7% so với năm 2015.

Lương tối thiểu toàn quốc¹⁰ ở Hàn Quốc đã tăng 42,2% theo giá trị thực trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022 (Hình 10). Tuy nhiên, đã có những lo ngại về tác động của việc tăng lương tối thiểu quá cao đối với số lượng việc làm và nền kinh tế, đặc biệt là vào năm 2018 (16,4%) và 2019 (10,9%) trước khủng hoảng. Đại diện doanh nghiệp hầu hết đều lên tiếng phê phán và chính phủ đã phải đưa ra các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp này, bao gồm giảm thuế

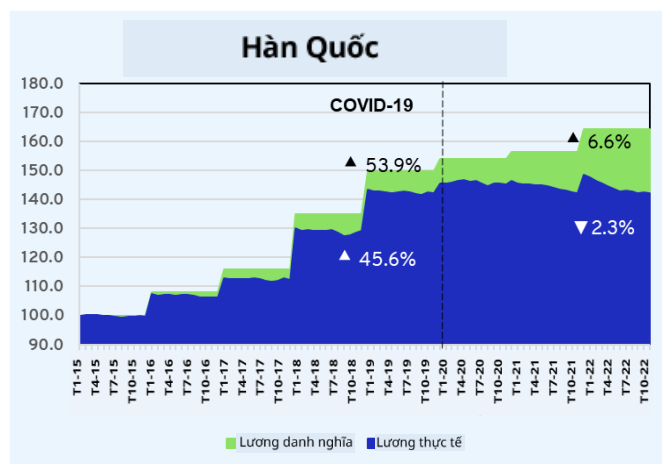
¹⁰ Mức lương tối thiểu theo giờ năm 2022 là 9.160 won còn mức lương tối thiểu hàng tháng sẽ tính rằng người lao động có một hoặc hơn một ngày nghỉ hàng tuần được trả lương (Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động, Điều 55). Do đó, mức lương tối thiểu hàng tháng tương đương với 9.160

* 209 giờ = 1.914.440 won. Nghiên cứu sử dụng mức lương tối thiểu hàng tháng của Hàn Quốc.

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

và trợ cấp. Sau năm 2019, mức tăng lương tối thiểu đã được điều chỉnh ổn định và mức lương tối thiểu danh nghĩa được tăng lần lượt là 2,9%, 1,5% và 5,1% liên tiếp trong các năm tiếp theo, chủ yếu để đối trọng với chi phí sinh hoạt tăng cao.

Hình 10. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Hàn Quốc, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



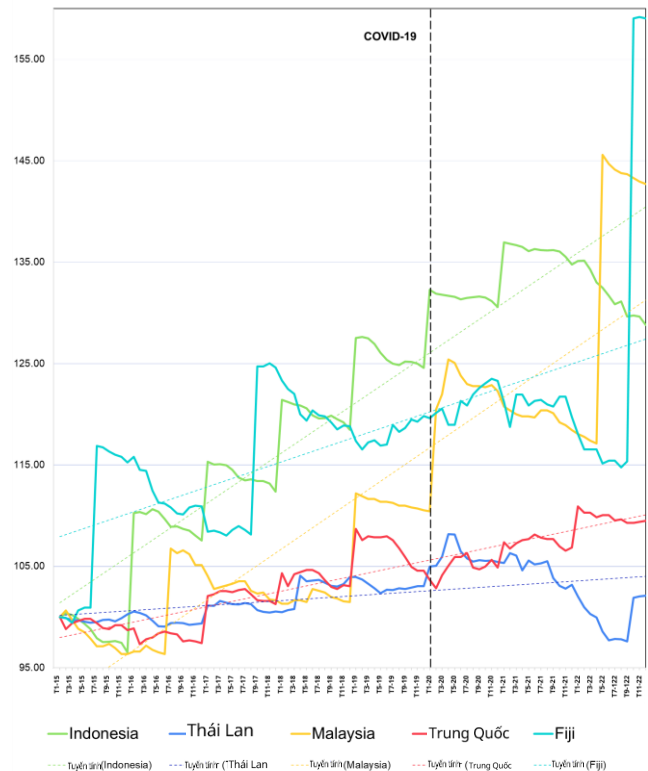
Source: Author's estimation based on ILO minimum wage database for the minimum wage level and for inflation (consumer prices) from Korean Statistical Information Service.

Do đó, những người làm công ăn lương đã đạt được sức mua cao nhất vào tháng 5 năm 2020, với mức tăng 46% so với năm 2015. Nhìn chung, chính sách lương tối thiểu năng động hơn của Hàn Quốc trong giai đoạn trước COVID-19 đã tạo điều kiện cho những người có thu nhập bằng lương tối thiểu được hưởng một trong những mức sống cao nhất so với các quốc gia khác.

Chuyển trọng tâm sang năm quốc gia có thu nhập trung bình cao hơn ở Đông và Đông Nam Á và Thái Bình Dương, Hình 11 cho thấy mức lương tối thiểu thực tế đã có sự tiến triển như thế nào ở các quốc gia này. Biểu đồ này mô tả các mô hình xác lập lương tối thiểu khác nhau của các quốc gia này và cách các quốc gia này nói lỏng việc điều chỉnh lương tối thiểu trong thời kỳ hậu khủng hoảng, ít nhất là cho đến giữa năm 2021.

Trong số các xu hướng lương tối thiểu được mô tả trong Hình 11, đường màu xanh lá cây đại diện cho Indonesia luôn đạt mức đỉnh cao hơn mỗi năm, cho thấy sự cải thiện về tiền lương thực tế, ít nhất là trước khủng hoảng khi xu hướng này còn khá thoải mái. Ngược lại, Fiji và Malaysia cho thấy nhiều sự điều chỉnh bất thường hơn trong thời kỳ tham chiếu, với mức tăng rõ rệt vào năm 2022 nhằm không chỉ cố gắng bù đắp chi phí sinh hoạt, nhờ đó mức lương tối thiểu thực tế được nâng cao đáng kể.

Hình 11. Chỉ số lương tối thiểu thực tế của các quốc gia có thu nhập trung bình cao hơn ở Đông và Đông Nam Á và các quốc gia Thái Bình Dương, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

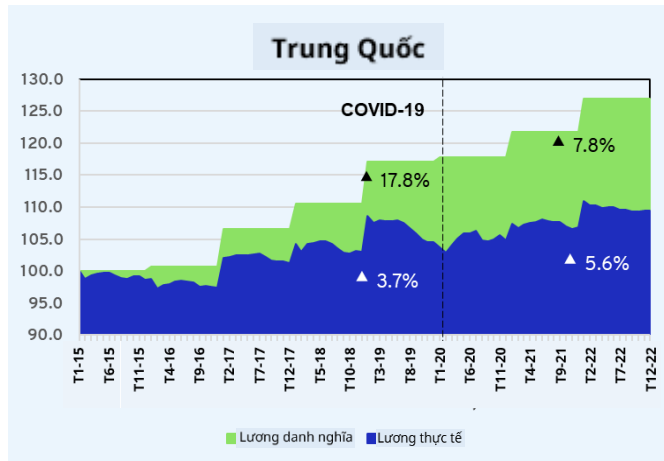


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và dữ liệu về lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cơ quan Thống kê Badan Pu sat, Văn phòng Chiến lược và Chính sách Thương mại Thái Lan, Cục Thống kê Malaysia, Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc và Cục Thống kê Fiji.

Ngược lại, hệ thống lương tối thiểu của Trung Quốc được triển khai theo khuôn khổ từng tỉnh, điều chỉnh vào các thời điểm khác nhau. Ngoài mức lương tối thiểu cấp tỉnh, một số thành phố và đô thị ở Trung Quốc cũng có thẩm quyền quy định mức lương tối thiểu của riêng họ. Tuy nhiên, qua kiểm tra các xu hướng chính cho thấy tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm duy trì nhất quán ở mức 1,3% theo mức lương tối thiểu trung bình thực tế trong toàn bộ thời kỳ. Tiến bộ đáng chú ý này dẫn đến mức tăng chung 9,5% về giá trị kể từ năm 2015 (Hình 12).

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

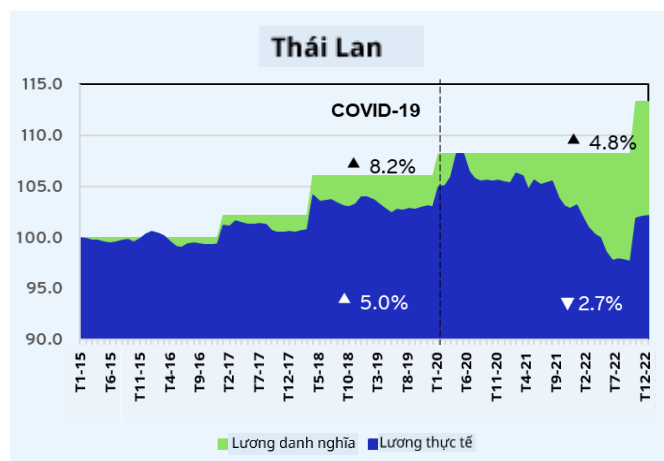
Hình 12. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Trung Quốc, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc.

Thái Lan cũng áp dụng mức lương tối thiểu cấp tỉnh, mức lương này thỉnh thoảng được điều chỉnh theo khuyến nghị của Ủy ban Tiền lương tối thiểu Quốc gia. Không giống như Trung Quốc, mức lương tối thiểu ở Thái Lan thường bắt đầu có hiệu lực đồng thời đối với tất cả các tỉnh. Thời điểm có hiệu lực của các lần điều chỉnh lần lượt là vào tháng 1 năm 2017, tháng 4 năm 2018, tháng 1 năm 2020 và gần nhất là vào tháng 10 năm 2022. Mặc dù ba lần điều chỉnh trước giai đoạn COVID-19 đã góp phần cải thiện 5% mức lương tối thiểu thực tế (Xem Hình 13); lần điều chỉnh gần đây nhất là mức lương danh nghĩa tăng 4,8%, không đủ để đối trọng với áp lực lạm phát, đặc biệt là từ năm 2021 trở đi. Do đó, lương tối thiểu thực tế đã giảm 2,7% trong thời kỳ hậu COVID (Hình 13).

Hình 13. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Thái Lan, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

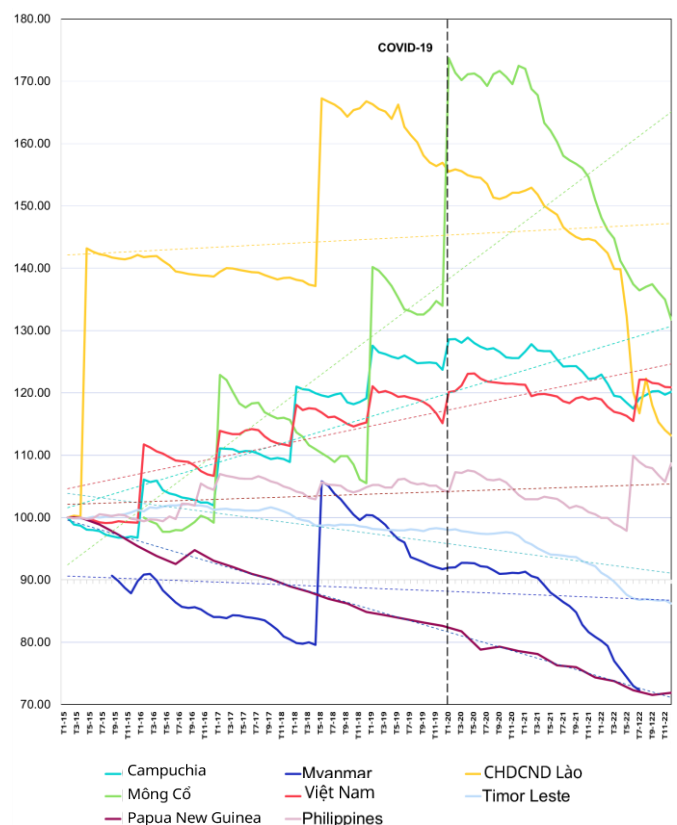


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Văn phòng Chiến lược và Chính sách Thương mại.

Chuyển sang các quốc gia có thu nhập trung bình thấp ở Đông và Đông Nam Á, hình 14 cho thấy hầu hết các quốc gia này đều ghi nhận sự sụt giảm về giá trị thực của tiền lương tối thiểu từ năm 2020 đến năm 2022.

Xu hướng đáng tiếc này đã dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về sức mua, từ 4% đến 44%, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của vô số người lao động có mức lương thấp. Điều thú vị là, biểu đồ cũng minh họa rằng trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, việc điều chỉnh lương tối thiểu diễn ra thường xuyên và đáng kể hơn. Những biện pháp chủ động này trong thời kỳ trước khủng hoảng đã dẫn đến những cải thiện rõ rệt về mức lương tối thiểu thực tế đối với nhiều người làm công ăn lương.

Hình 14. Chỉ số lương tối thiểu thực tế của các quốc gia có thu nhập trung bình thấp ở Đông và Đông Nam Á, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

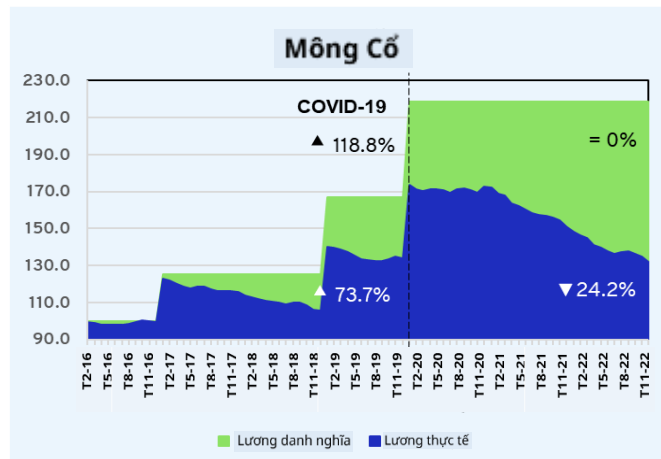


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và dữ liệu về lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Quốc gia Campuchia, Tổ chức Thống kê Trung ương Myanmar, Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Ngân hàng Trung ương Mông Cổ, Tổng cục Thống kê Việt Nam, Cục Thống kê Timor-Leste, Cục Thống kê Quốc gia Papua New Guinea và Cơ quan Thống kê Philippines.

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

Mông Cổ và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã ghi nhận mức lương tối thiểu danh nghĩa tăng đáng kể, gần gấp đôi từ năm 2015 đến năm 2022. Điều quan trọng cần lưu ý là cả hai quốc gia đều không áp dụng cơ chế điều chỉnh lương tối thiểu thường xuyên, dẫn đến những lần điều chỉnh đáng kể nhưng không thường xuyên. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này là do mức lạm phát cao và khoảng thời gian giữa các lần điều chỉnh quá dài. Tuy nhiên, mặc dù có những đặc điểm chung như vậy, hai quốc gia này đã ghi nhận những kết quả hơi khác nhau về lương thực tế. Mông Cổ, với ba lần điều chỉnh lương tối thiểu từ năm 2015 đến năm 2020, ghi nhận mức tăng 118,8% (Hình 15). Do Mông Cổ không tiến hành điều chỉnh lần nào trong giai đoạn hậu COVID, mức lương tối thiểu theo giá trị thực đã giảm đáng kể (24,2%). Tuy nhiên, giá trị lương tối thiểu vào cuối năm 2022 cho thấy sức mua cao hơn 30% so với tháng 1 năm 2015.

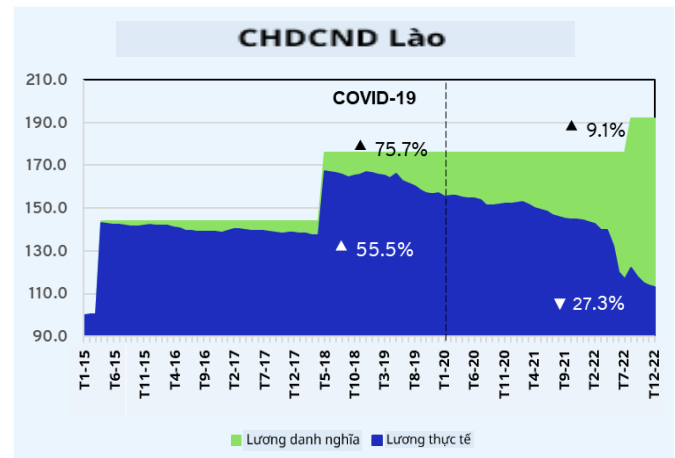
Hình 15. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Mông Cổ, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Trung ương Mông Cổ.

Tương tự, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã phải đối diện thách thức do thiếu một cơ chế nhất quán và hiệu quả để xác lập lương tối thiểu. Khoảng thời gian giữa các lần điều chỉnh dài, điều chỉnh không thường xuyên, gây khó khăn trong việc duy trì giá trị thực của tiền lương. Mặc dù mức lương tối thiểu danh nghĩa đã tăng lên 75,7% trước khủng hoảng COVID-19 (Hình 16), con số này không mấy tác động do giá cả leo thang, dẫn đến sự sụt giảm về giá trị thực tế của tiền lương. Xu hướng này tiếp tục diễn ra trong năm 2022, lần điều chỉnh được thực hiện vào tháng 8 năm 2022 (9,1%) hầu như không có tác động gì do lạm phát nhanh chóng làm giảm giá trị của tiền lương vào cuối năm.

Hình 16. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

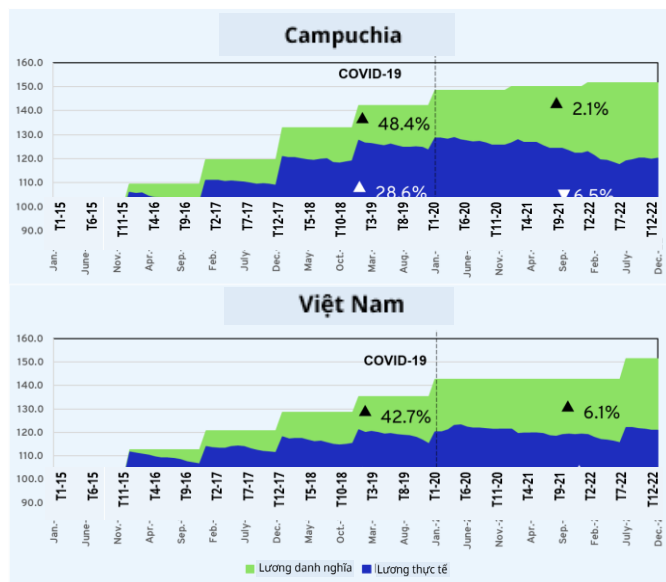


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Trong khi đó, Campuchia và Việt Nam có xu hướng điều chỉnh lương tối thiểu tương tự nhau cả về thời điểm và giá trị (Hình 17). Cả hai đều có nhóm kỹ thuật đánh giá các lần điều chỉnh lương tối thiểu hàng năm nhưng đại dịch đã làm giảm tần suất điều chỉnh. Ví dụ, Việt Nam đã tạm dừng điều chỉnh lương tối thiểu năm 2021 để cho khu vực tư nhân “nghỉ lấy sức”. Sau đó, Việt Nam đã khôi phục lại việc điều chỉnh định kỳ và linh hoạt vào năm 2022, giúp cải thiện giá trị thực của mức lương tối thiểu vào tháng 7 năm 2022 ở tất cả các vùng. Kết quả là từ năm 2015 đến năm 2022, Việt Nam đã tăng giá trị tiền lương tối thiểu lên 19,8%. Tương tự, Campuchia, là quốc gia cũng áp dụng cơ chế điều chỉnh tiền lương được tổ chức và sắp xếp, đã ghi nhận giá trị thực của tiền lương tối thiểu tăng 23,4% trong cùng kỳ. Sự khác biệt chính giữa cả hai hệ thống là trong khi Việt Nam áp dụng lương tối thiểu phổ quát, Campuchia chỉ áp dụng cơ chế bảo vệ đó cho người lao động trong ngành may mặc, dệt may và da giày. Việc quy định phạm vi bao phủ như vậy ở Campuchia khiến một phần đáng kể lực lượng lao động dễ bị tổn thương với thu nhập dưới mức lương tối thiểu bị loại trừ, khiến tiền lương của họ càng ít ỏi hơn nữa do giá cả leo thang.

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

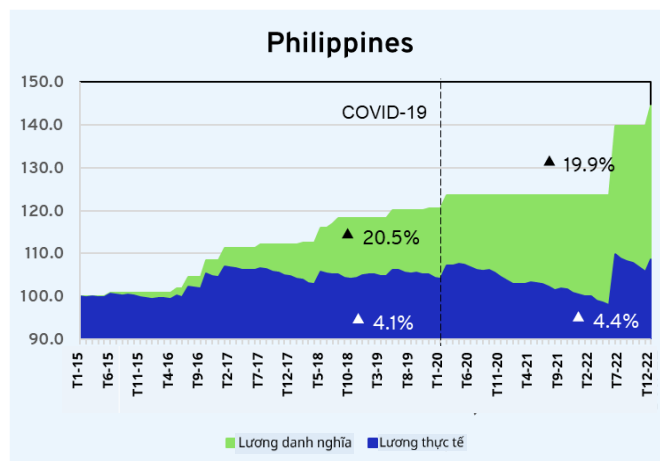
Hình 17. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Campuchia và Việt Nam, 2015 -2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Quốc gia Campuchia và Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Tại Philippines, mức lương tối thiểu được xác lập bởi các Hội đồng Năng suất và Tiền lương Ba bên Khu vực (RTWPB), với thành viên là các đại diện từ chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động. Các Hội đồng này điều chỉnh mức lương tối thiểu dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm tỷ lệ lạm phát, chi phí sinh hoạt và năng suất. Luật lương tối thiểu áp dụng với cả người lao động trong các ngành phi nông nghiệp và các ngành nông nghiệp cụ thể, với một số ngoại lệ và quy định đặc biệt đối với một số hình thức lao động, chẳng hạn như lao động giúp việc gia đình. Nhìn chung, mức điều chỉnh lương tối thiểu ở Philippines tương đối khiêm tốn trong vài năm qua, với mức tăng dao động từ 2 peso Philippines (PHP) đến 40 PHP mỗi ngày trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 5 năm 2020. Do đó, mức lương tối thiểu trung bình đã tăng mức tăng danh nghĩa 20,5% trong thời kỳ trước COVID, nghĩa là sức mua tăng 4,1% (Hình 18). Tuy nhiên, một số tỉnh đã linh động hơn trong việc điều chỉnh mức lương tối thiểu danh nghĩa, như vùng I và VI, giúp giảm bớt sự chênh lệch giữa các vùng. Ví dụ, vùng thủ đô quốc gia là nơi thường có mức lương tối thiểu vùng cao hơn lại có mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2015-2022. Tuy nhiên, trong giai đoạn hậu COVID, việc điều chỉnh cũng chậm chạp hơn. Đến tận tháng 6 năm 2022, hầu hết các tỉnh mới áp mức tăng lương tối thiểu từ 16 PHP lên 110 PHP mỗi ngày để bù đắp cho chi phí sinh hoạt tăng cao.

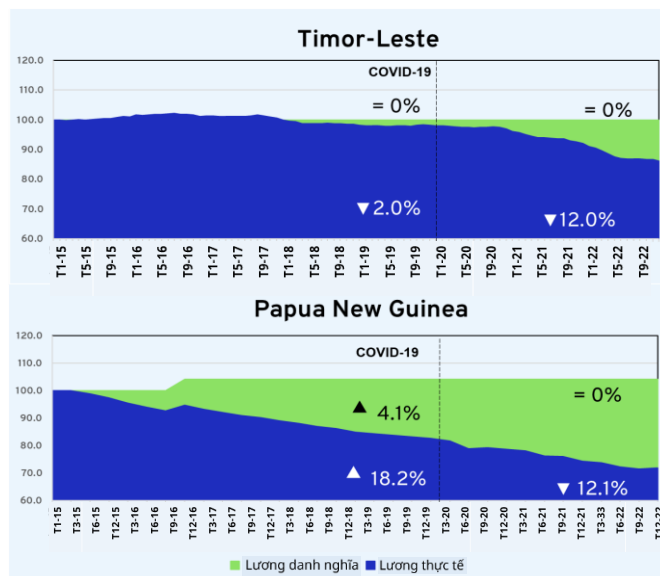
Hình 18. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Philippines, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cơ quan Thống kê Philippines.

Ở khía cạnh chưa tích cực, ba quốc gia (Papua New Guinea, Timor-Leste và Myanmar) rất ít nỗ lực để duy trì sức mua của mức lương tối thiểu. Timor-Leste không điều chỉnh lương tối thiểu trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022; Papua New Guinea và Myanmar chỉ điều chỉnh lương tối thiểu một lần trong cùng thời kỳ.

Hình 19. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Myanmar, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

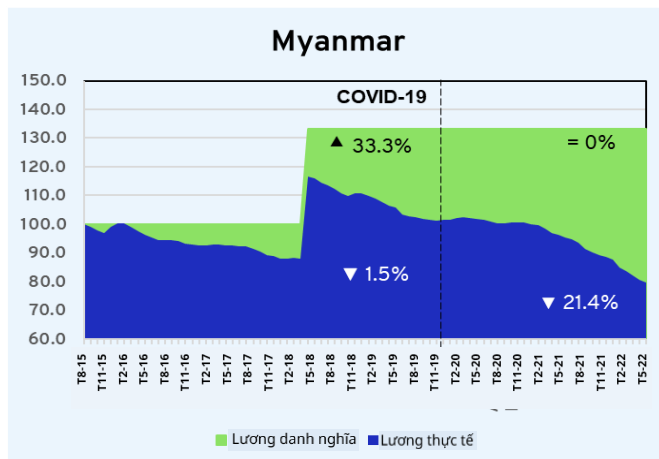


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cục Thống kê - Timor-Leste và Văn phòng Thống kê Quốc gia - Papua New Guinea.

Trong ba năm qua, việc điều chỉnh không thường xuyên/thiếu điều chỉnh đã ảnh hưởng đến những người lao động được trả lương thấp, làm giảm khả năng mua của họ với tỷ lệ lần lượt là 4,2%, 4,6% và 8,7% mỗi năm. Đây là một bức tranh đáng lo ngại, đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải hành động để hỗ trợ người lao động thoát khỏi cảnh nghèo đói và khốn khó. Sự xói mòn lương tối thiểu ở Papua New Guinea và Timor-Leste là hệ quả của chính sách điều chỉnh thiếu tích cực và giá cả tăng liên tục, đặc biệt là sau năm 2021 (Hình 19).

Ở Myanmar, hệ thống lương tối thiểu chưa được kích hoạt kể từ khi quân đội lên nắm quyền vào năm 2021. Mặc dù nền kinh tế đã có dấu hiệu cải thiện đôi chút trong vài tháng qua, lạm phát lại cản trở sự phục hồi khiếm tốn ở cấp hộ gia đình (OCHA, 2022). Từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 7 năm 2022 (số liệu CPI mới nhất), sức mua của mức lương tối thiểu đã giảm một phần ba giá trị (Hình 20).

Hình 20. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Myanmar, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

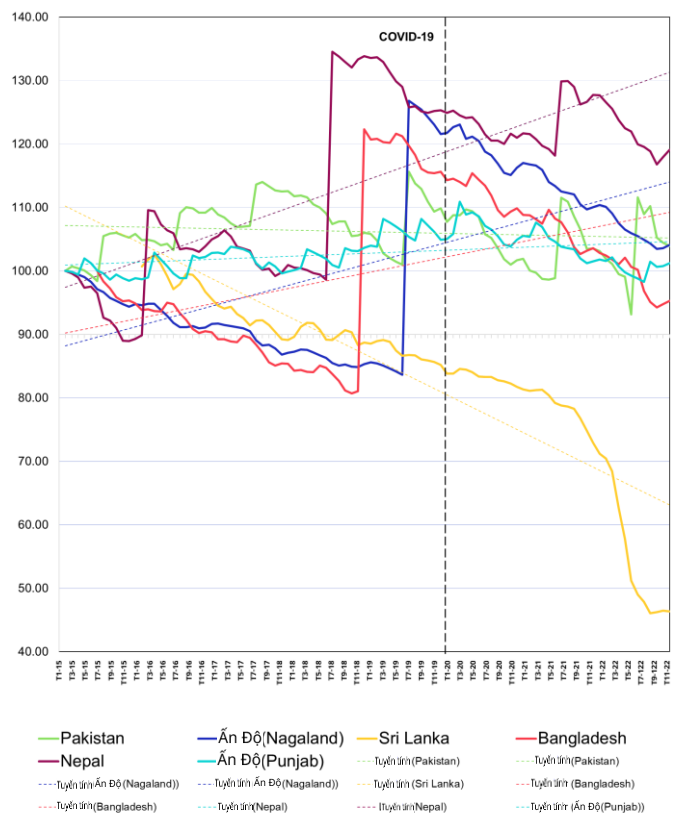


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Tổ chức Thống kê Trung ương.

Ở khu vực Nam Á, chúng tôi thấy rằng các hệ thống lương tối thiểu với tần suất khác nhau cũng sẽ biến chuyển khác nhau trước và sau khủng hoảng COVID-19 (Hình 21). Ở Ấn Độ, lương tối thiểu ở hầu hết các Bang được lập chỉ mục sáu tháng một lần theo Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) thông qua “trợ cấp sinh hoạt phí biến thiên” (VDA) để bù đắp cho những thay đổi về chi phí sinh hoạt; ở Pakistan, việc điều chỉnh được thực hiện hàng năm; ở Nepal, việc điều chỉnh lương tối thiểu được tiến hành hai năm một lần; ở Bangladesh là 5 năm một lần và ở Sri Lanka thì không có cơ chế điều chỉnh định kỳ. Việc không có cơ chế điều chỉnh cộng với tình trạng lạm phát phi mã đã xóa bỏ mọi nỗ lực của Sri Lanka để tăng lương danh nghĩa nhằm giải quyết vấn đề chi phí sinh hoạt gia tăng.

Những thay đổi về giá trị lương tối thiểu thực tế ở khu vực Nam Á (Hình 21) cho thấy tần suất điều chỉnh đóng vai trò quan trọng như thế nào để đưa ra điều chỉnh chính sách kịp thời nhằm bảo vệ tiền lương của người lao động.

Hình 21. Chỉ số lương tối thiểu thực tế của các nước Nam Á, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và dữ liệu về lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Nhà nước Pakistan, Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ, Ngân hàng Trung ương Sri Lanka, Cục Thống kê Bangladesh và Ngân hàng Rastra của Nepal.

Tại Ấn Độ, Chính quyền mỗi bang cam kết điều chỉnh lương tối thiểu sáu tháng một lần kể từ sau khi đạt được thỏa thuận ba bên vào năm 1988. Trong khi hầu hết các chính quyền bang tuân theo thỏa thuận này, vẫn có một số chính quyền tiến hành điều chỉnh một cách bất thường. Trong số ba bang của Ấn Độ được nghiên cứu trong báo cáo này (Nagaland, Punjab và Delhi), Bang Nagaland chỉ điều chỉnh lương tối thiểu một lần trong giai đoạn phân tích vào năm 2019. Ngược lại, Bang Punjab và Lãnh thổ Liên minh của Delhi thay đổi mức “trợ cấp sinh hoạt phí biến thiên” (VDA) sáu tháng một lần, điều chỉnh lại mức lương tối thiểu dựa trên những thay đổi của CPI.

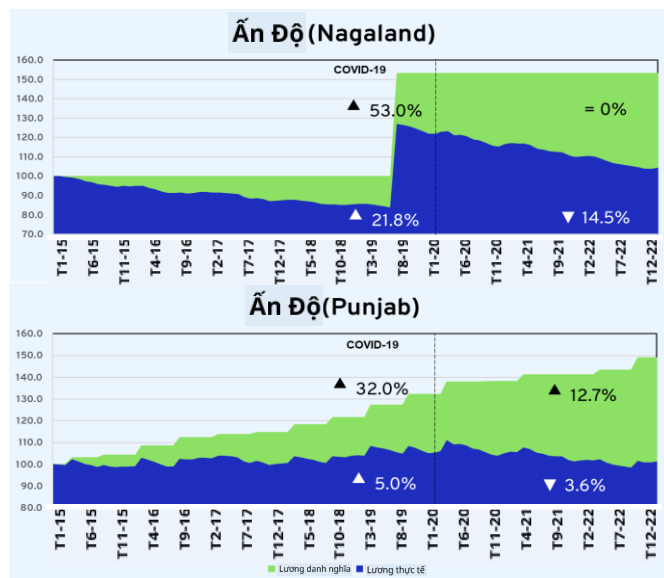
Bang Nagaland điều chỉnh một lần mức tăng lương tối

Lương tối thiểu thay đổi ra sao trong khủng hoảng COVID-19 và lạm phát *

thiếu trên danh nghĩa tới 53% (Hình 22). Trái lại, những lần điều chỉnh ở bang Punjab lại tương đối khiêm tốn. Cả hai cơ chế điều chỉnh này đều mang lại kết quả tương tự nhau, với mức lương tối thiểu thực tế gần như không thay đổi ở cả hai bang. Tuy nhiên nếu tiếp cận toàn diện hơn, kết hợp các yếu tố của cả hai hệ thống trên thì có thể đạt được kết quả tích cực hơn để bù đắp lạm phát gia tăng trong thời kỳ hậu khủng hoảng.

Kết quả tương tự cũng được quan sát thấy ở Delhi, khi sau 23 năm ngắt quãng, lần đầu tiên chính quyền đã quy định giá trị cơ bản của tiền lương tối thiểu vào năm 2017, dẫn đến tăng lương tối thiểu danh nghĩa và tăng lương thực tế tương ứng lên 40,5%. Những lần điều chỉnh sáu tháng một lần sau đó đã khiến mức lương tối thiểu ở Delhi cao nhất trên cả nước. Các biện pháp này phần lớn là do ý chí chính trị và cam kết của chính quyền bang nhằm mang lại sự bảo vệ đầy đủ cho những người lao động được trả lương thấp. Theo Đạo luật Điều chỉnh Lương tối thiểu cấp bang năm 2017 (Delhi), các biện pháp thực thi đã được tăng cường bằng cách quy định thêm các biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với các trường hợp không tuân thủ, đây là một bước giúp hệ thống lương tối thiểu vận hành hiệu quả trong thực tế.

Hình 22. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Bang Nagaland và Punjab ở Ấn Độ, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ.

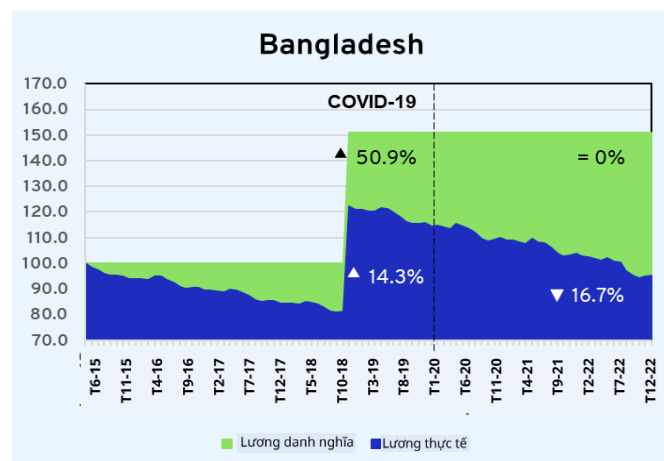
Mặc dù tiến hành điều chỉnh hàng năm, Pakistan đã không thể đảo ngược tình trạng chi phí sinh hoạt ngày càng tăng do COVID-19 và các hậu quả của đại dịch. Tình trạng giá cả tăng cao đã trở nên trầm trọng hơn do áp lực tài khóa ngày càng tăng và giảm dự trữ ngoại hối do giá hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả nhiên liệu, đã tăng vọt.

Các khó khăn về kinh tế mang tính cơ cấu cần được giải quyết để việc điều chỉnh lương tối thiểu danh nghĩa trở thành biện pháp bảo vệ hiệu quả và giá trị thực của tiền lương, chứ không để bị đảo ngược bởi vòng xoáy giá cả và tiền lương.

Sau cuộc khủng hoảng hậu COVID, **hoàn cảnh sống người lao động ở Bangladesh và Sri Lanka đã trải qua những thay đổi, chủ yếu là do tác động của lạm phát.** Ở Bangladesh, quy trình xác lập lương tối thiểu 5 năm một lần nêu bật tính cấp thiết phải điều chỉnh đáng kể mức lương danh nghĩa để giải quyết một cách hiệu quả tình trạng suy giảm sức mua. Mặc dù lương tối thiểu đã đạt mức tăng đáng kể 51% vào tháng 12 năm 2018, điều này có thể đặt ra thách thức cho nhiều doanh nghiệp, nhưng mức sống của người lao động vẫn chưa được cải thiện do giá cả liên tục tăng. Đáng tiếc là giá trị thực của mức lương tối thiểu vào tháng 12 năm 2022 vẫn thấp hơn khoảng 5% so với sức mua của lương tối thiểu năm 2015 (Hình 23) và xu hướng giảm này vẫn đang tiếp diễn.

Trong ba năm qua, giá trị thực của mức lương tối thiểu hàng năm của Bangladesh đã giảm đáng báo động, với tỷ lệ 7,3%.

Hình 23. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Bangladesh, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)

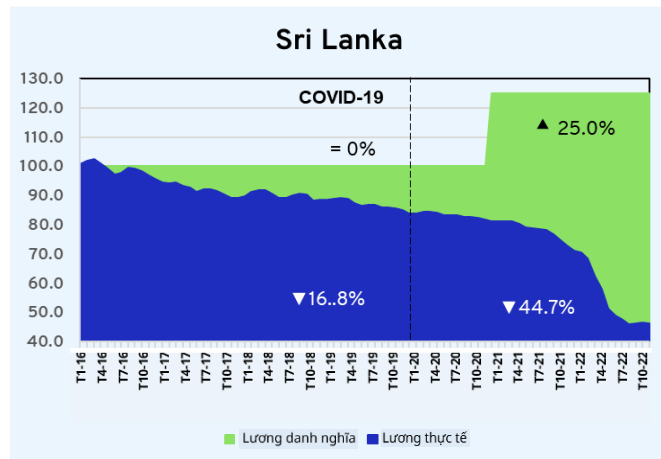


Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Cục Thống kê Bangladesh.

Năm 2016, Sri Lanka đã áp dụng mức lương tối thiểu quốc gia cho tất cả người lao động thuộc khu vực tư nhân, không tính đến ngành nghề hay nghề nghiệp của họ, ngoại trừ lao động giúp việc gia đình. Tuy nhiên, Đạo luật không quy định một cơ chế có cấu trúc để điều chỉnh thường xuyên. Vẫn thiếu một quy trình được thiết kế để tham vấn toàn diện và không thiết lập được các tiêu chí rõ ràng để xác lập hoặc điều chỉnh lương tối thiểu. Do đó, khuôn khổ hiện tại ở Sri Lanka thiếu một cơ chế nhất quán để điều chỉnh lương tối thiểu, khiến giá trị thực của lương

tối thiểu bị giảm.

Hình 24. Chỉ số lương tối thiểu danh nghĩa và thực tế của Sri Lanka, 2015-2022 (năm cơ sở tháng 1 năm 2015 = 100)



Nguồn: Ước tính của tác giả dựa trên cơ sở dữ liệu lương tối thiểu của ILO để tính mức lương tối thiểu và lạm phát (giá tiêu dùng) từ Ngân hàng Trung ương Sri Lanka.

Giá trị lương tối thiểu thực tế ở Sri Lanka đã giảm hơn một nửa kể từ khi được áp dụng vào năm 2016 (Hình 24) và được coi là một trong những giá trị lương theo PPP và US\$ thấp nhất trong khu vực. Việc không có cơ chế điều chỉnh cấu trúc và lạm phát do sự bùng phát của nhiều cuộc khủng hoảng (khủng hoảng COVID-19 kéo theo khủng hoảng kinh tế) đã khiến sức mua của người lao động ở Sri Lanka suy giảm nghiêm trọng trong thời gian gần đây, dẫn đến mức sống và thu nhập giảm đáng kể và họ phải đối diện với nguy cơ rơi vào cảnh nghèo khi họ phải vật lộn để kiếm sống.

Ngược lại, Nepal quy định hai mức lương tối thiểu riêng biệt – mức chung và mức thấp hơn cho ngành chè. Nhìn chung, cả nước đã ghi nhận tiền lương danh nghĩa tăng vào năm 2018, dẫn đến sự cải thiện đáng kể về tiền lương thực tế. Trong cuộc khủng hoảng COVID-19, chính phủ đã tạm dừng điều chỉnh mức lương tối thiểu sáu tháng một lần theo quy định tại Đạo luật Lao động mới vào năm 2019. Do việc điều chỉnh tỷ lệ được thực hiện vào năm 2021, tiền lương đã duy trì giá trị thực và thậm chí tăng nhẹ trong thời kỳ quan sát. Tuy nhiên, ngành chè đặc biệt gặp khó khăn với một số vấn đề về tuân thủ, bao gồm việc chậm triển khai mức lương tối thiểu mới và các mục tiêu thu hoạch không thể đạt được (Niên giám Nhân quyền của Nepal, 2021).

Tổng kết: Lộ diện người chiến thắng và kẻ thua cuộc

Tóm lại, những phát hiện được trình bày trong bản tổng thuật này cho thấy ở tất cả các quốc gia ngoại trừ Malaysia, Trung Quốc, Philippines và Fiji, mức lương tối thiểu thực tế hàng tháng tăng với tốc độ chậm hơn trong thời kỳ hậu COVID so với thời kỳ trước COVID.

Trong thời kỳ trước COVID, từ năm 2015 đến năm 2019, các quốc gia ở Châu Á và Thái Bình Dương đã điều chỉnh lương tối thiểu năng động hơn. Trung bình, một chỉ số lương tối thiểu thực tế tổng hợp bao gồm 22 quốc gia cho thấy có sự gián đoạn cấu trúc vào cuối 2018 - đầu 2019, một lần nữa củng cố nhận định này.

Lần gián đoạn cấu trúc nghiêm trọng tiếp theo xảy ra vào cuối năm 2020, khi COVID-19 tác động mạnh vào các nền kinh tế do chuỗi cung ứng bị gián đoạn và lạm phát bắt đầu tăng ở một số quốc gia, đồng thời chính sách tiền lương tối thiểu được nới lỏng để doanh nghiệp có thể phục hồi. Sau đó, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina vào năm 2022 đã làm giá cả tăng trầm trọng hơn, khiến xu hướng giảm lương tối thiểu thực tế thể hiện rõ nét.

Bản tổng thuật này cho thấy rằng 15 trong số 22 quốc gia trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương được nghiên cứu có mức tăng trưởng âm về tiền lương tối thiểu thực tế trong thời kỳ hậu COVID. Các quốc gia này đã giảm sức mua của lương tối thiểu từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 12 năm 2022 trong khoảng từ 2,2% đến 44,7%.

Sắp xếp các quốc gia/bang theo thứ tự giảm dần như sau: Australia (-2,2%), Hàn Quốc (-2,3%), Indonesia (-2,6%), Thái Lan (-2,7%), Pakistan (-3,5%), Nepal (-4,7%), Campuchia (-6,5%), Timor-Leste (-12,0%), Papua New Guinea (-12,1%), Bangladesh (-16,7%), Myanmar (-21,4%), Mông Cổ (-24,2%), Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (-27,3%) và Sri Lanka (-44,7%). Trong trường hợp của Ấn Độ, cả ba Bang/Lãnh thổ Liên minh đều ghi nhận mức lương tối thiểu thực tế giảm: Bang Punjab (3,6%), Đô thị Delhi (4,9%) và Bang Nagaland (14,5%).

Trong số các quốc gia/bang bị giảm giá trị lương tối thiểu theo giá trị thực, Timor-Leste, Papua New Guinea, Ấn Độ (Bang Nagaland), Bangladesh, Myanmar và Mông Cổ đã không thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào về lương tối thiểu từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 12 năm 2022. Ở các quốc gia còn lại, mức điều chỉnh lương tối thiểu danh nghĩa sau COVID không thể đủ để đối trọng trước sự gia tăng của lạm phát.

Ngược lại, bảy quốc gia đạt được tăng lương tối thiểu theo giá trị thực là Fiji (33%), Malaysia (29,2%), Trung Quốc (5,6%), New Zealand (4,7%), Philippines (4,4%), Nhật Bản (3,0%) và Việt Nam (0,7%).

Cuối cùng, do lạm phát liên tục gia tăng trong khi lương tối thiểu danh nghĩa không thay đổi; mức lương tối thiểu thực tế hàng tháng của bảy quốc gia/bang đã giảm xuống thấp hơn mức tháng 1 năm 2015, đây là một vấn đề đáng lo ngại và phải được quan tâm ngay lập tức. Các quốc gia này là Sri Lanka (-53,9%), Papua New Guinea (-28,1%), Myanmar¹¹ (-20,2%), Timor-Leste (-13,8%) và Bangladesh (-4,7%).

V. Khuyến nghị chính sách

Các thiết chế lương tối thiểu phải tích cực bảo vệ người lao động không bị trả lương quá thấp và tránh cho họ rơi vào hoàn cảnh nghèo khó bằng cách đảm bảo tiền lương của họ duy trì được sức mua kể cả trong tình trạng lạm phát. Lương tối thiểu đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tiền lương thỏa đáng cho người lao động có thu nhập thấp, góp phần giảm bất bình đẳng và nghèo đói. Lương tối thiểu đảm bảo người lao động và gia đình của họ nhận được khoản bù đắp hợp lý để đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, vốn tác động nặng nề nhất đến những người lao động được trả lương thấp, mức lương tối thiểu phù hợp có thể bảo vệ và chống lại tác động của chi phí sinh hoạt gia tăng.

Việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu thỏa đáng và thường xuyên sẽ cải thiện đáng kể mức sống của các hộ gia đình có thu nhập thấp. Tỷ lệ lạm phát đang làm giảm sức mua của lương tối thiểu, ảnh hưởng đến khoảng 186 triệu người làm công ăn lương ở Châu Á và Thái Bình Dương là những người thu nhập bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu theo giờ. Điều quan trọng là phải điều chỉnh mức lương tối thiểu danh nghĩa để theo kịp lạm phát và đảm bảo cho những người lao động được trả lương thấp và gia đình họ một mức sống thỏa đáng. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, việc tăng lương nhiều có thể gây khó khăn hoặc tạo ra rủi ro. Điều này đặc biệt đúng trong các tình huống mà tiền lương tối thiểu đã ở mức tương đối cao so với tiền lương trung vị và khi cuộc khủng hoảng kinh tế do COVID-19 gây ra đã tác động nghiêm trọng đến việc làm và năng suất lao động. Do đó, cần có các điều chỉnh chính sách bổ sung về phúc lợi tài chính và an sinh xã hội để bảo vệ mức sống của các hộ gia đình có thu nhập thấp.

Vấn đề cấp thiết là phải củng cố các thiết chế tiền lương tối thiểu bằng cách thúc đẩy quá trình ra quyết định dựa trên bằng chứng và thúc đẩy đối thoại xã hội thực chất. Điều này đòi hỏi ý chí chính trị ở cấp cao nhất để thay

đổi cách tiếp cận thông thường hiện đang gây khó khăn cho nhiều quốc gia trong khu vực. Làm như vậy, các quốc gia có thể chủ động ngăn chặn tình trạng sức mua của người lao động tiếp tục suy giảm bằng cách đặt ra mức lương tối thiểu đủ để cân bằng giữa nhu cầu của người lao động và gia đình họ cũng như các yếu tố kinh tế. Điều này đòi hỏi phải thường xuyên điều chỉnh mức lương tối thiểu để đáp ứng với các điều kiện kinh tế thay đổi, bao gồm cả lạm phát gia tăng, với sự tham gia đầy đủ của các đối tác xã hội, phù hợp với Công ước Ấn định mức lương tối thiểu, 1970 (Công ước 131). Các khuôn khổ thể chế cũng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập dữ liệu, thông tin và nghiên cứu để tạo cơ sở cho các cuộc thảo luận dựa trên bằng chứng và cho phép đưa ra quyết định chính xác hơn khi cân bằng các khía cạnh kinh tế và xã hội.

Các quốc gia phải thực hiện các bước cần thiết để mở rộng phạm vi bao phủ của lương tối thiểu cho tất cả các nhóm người làm công ăn lương, bao gồm phụ nữ, thanh niên, người giúp việc gia đình, người lao động tại nhà và người lao động di cư, bất kể người lao động đó làm việc với hình thức thỏa thuận việc làm nào. Quan trọng là phải nhận ra rằng nhiều người lao động hiện không thuộc diện bao phủ của các cơ chế bảo vệ bằng tiền lương tối thiểu. Những người lao động này có thể có mức thu nhập dưới mức lương tối thiểu và phải đối mặt với tình trạng dễ bị tổn thương hơn khi giá cả tăng cao. Một cách tiếp cận toàn diện sẽ giúp đảm bảo trả công công bằng và bình đẳng cho mọi người lao động, thúc đẩy công bằng xã hội và phúc lợi kinh tế trong khu vực.

Cần nhắc đến và đo lường nhu cầu của người lao động và gia đình họ, để thúc đẩy công bằng xã hội, sự sẵn có của các bằng chứng về chi phí sinh hoạt đóng vai trò quan trọng trong việc xác định mức lương thỏa đáng. Điều này giúp cung cấp thông tin cho các cuộc thảo luận về việc liệu tiền lương tối thiểu có phù hợp với chi phí sinh hoạt hay không; đặc biệt quan trọng trong giai đoạn giá cả tăng cao. Phương pháp cơ sở của ILO đưa ra một cách tiếp cận toàn diện để ước tính nhu cầu của người lao động và gia đình họ ở các bối cảnh quốc gia khác nhau. Phương pháp này sử dụng kết quả từ các cuộc khảo sát về thu nhập và chi tiêu do các cơ quan thống kê quốc gia thực hiện để ước tính mức lương tối thiểu và đã được thử nghiệm ở nhiều quốc gia khác nhau.

¹¹ Chỉ ước tính được mức giảm mức lương tối thiểu thực tế ở Myanmar đến tháng 5 năm 2022 do dữ liệu về CPI chỉ có đến thời điểm này. Do đó, sự sụt giảm giá trị lương tối thiểu có thể sẽ cao hơn vào tháng 12 năm 2022. Nếu CPI diễn biến theo xu hướng của năm 2021 thì mức sụt giảm

về khả năng mua lương tối thiểu dự kiến sẽ là 25% vào tháng 12 năm 2022.

Đồng thời, các yếu tố kinh tế cũng cần được tính đến khi xác lập mức lương tối thiểu, bao gồm khả năng chi trả của nhiều doanh nghiệp, cũng như các yếu tố kinh tế vĩ mô hơn cần cân nhắc. Như đã đề cập trong Công ước về Ấn định mức lương tối thiểu số 131 của ILO, cần thiết phải xem xét cả nhu cầu của người lao động và gia đình họ cũng như các yếu tố kinh tế khi xác lập mức lương. Giá cả tăng cao tác động trực tiếp đến người lao động và gia đình họ, đồng thời cũng có thể tác động đến doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong khu vực kinh tế phi chính thức. Do đó, việc phân tích mức độ ảnh hưởng của việc xác lập và điều chỉnh lương tối thiểu đến khả năng chi trả và năng suất của các doanh nghiệp cũng rất quan trọng. Tiền lương tăng mà không tăng năng suất có thể tiếp tục gây ra lạm phát và từ đó lại ảnh hưởng đến việc làm.

Việc tạo ra việc làm chính thức được trả lương thỏa đáng là rất quan trọng để đạt được sự phân phối công bằng tiền lương và thu nhập, cũng như thúc đẩy tăng trưởng tiền lương bền vững. Trong khi các quốc gia có thu nhập cao đã phục hồi phần lớn mức độ việc làm, thậm chí một số quốc gia còn vượt qua mức trước đại dịch, các nền kinh tế thu nhập thấp và trung bình vẫn đang phải vật lộn để khôi phục lại tỷ lệ việc làm trước đại dịch. Hơn nữa, việc làm phi chính thức đang gia tăng ở những nền kinh tế này, có thể gây ra những tác động tiêu cực lâu dài. Khuyến nghị liên quan đến *Chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức*, 2015 (Số 204), đưa ra các hướng dẫn để hỗ trợ các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình giảm thiểu những khó khăn này.

Các chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là do các ngân hàng trung ương và cơ quan quản lý tiền tệ điều hành cần tiếp tục theo đuổi mục tiêu lạm phát trong trung hạn. Để làm điều này, có thể phải tăng lãi suất để giải quyết cuộc khủng hoảng lạm phát hiện nay và ngăn chặn lạm phát tiếp tục leo thang. Mặc dù các biện pháp này sẽ dẫn đến chi phí tài chính và lãi vay cao hơn, ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư, nhưng những biện pháp này được kỳ vọng sẽ giúp kiềm chế lạm phát và ổn định nền kinh tế. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là phải xem xét các tác động bất lợi tiềm ẩn của chính sách tiền tệ thắt chặt đối với các bộ phận dân số cụ thể, đặc biệt là các hộ gia đình có thu nhập thấp. Ngoài ra, lãi suất cao hơn có thể tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp khi chi phí tài chính và đầu tư tăng lên có khả năng làm giảm khả năng tạo việc làm trong khu vực tư nhân và làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Cần đưa ra các biện pháp thay thế của chính phủ để giảm bớt tác động đối với các hộ gia đình. Báo cáo Tiền lương Toàn cầu đề cập đến các biện pháp và ví dụ bao gồm sử dụng phiếu mua hàng để đánh giá mức thu nhập của các hộ gia đình có thu nhập thấp, tạm thời giảm thuế gián thu đối với hàng hóa và dịch vụ cũng như thuế đối với các công ty dầu khí hoặc các hộ gia đình dư giả hơn. Ngoài ra, việc giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) có thể giúp giảm thiểu gánh nặng lạm phát cho các hộ gia đình có thu nhập thấp và giảm mức giá chung. Theo dõi và kiểm soát giá của các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cơ bản tác động trực tiếp đến hộ thu nhập thấp. Các chính sách này nhằm hỗ trợ các hộ gia đình dễ bị tổn thương trong cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt mà không tác động tiêu cực đến lạm phát.

► Tài liệu tham khảo

- Adema, Joop, Yvonne Giesing, Anne Schönauer, and Tanja Stitteneder. 2019. "Minimum Wages Across Countries". *ifo DICE Report* 16 (4): 55-63.
- Bai, Jushan, and Pierre Perron. 2003. "Computation and Analysis of Multiple Structural Change Models". *Journal of Applied Econometrics* 18 (1): 1-22.
- Card, David, and Alan B. Krueger. 1994. "Minimum Wages and Employment: A Case Study of the Fast-food Industry in New Jersey and Pennsylvania". *American Economic Review* 84 (4): 772-793.
- Dube, Arindrajit. 2019. *Impacts of Minimum Wages: Review of the International Evidence. Independent Report*. UK Government Publication, 268-304.
- ILO. 2020. *Asia-Pacific Employment and Social Outlook 2020: Navigating the Crisis towards a Human-centred Future of Work*.
- . 2020. *Global Wage Report 2020-21: Wages and minimum wages in the time of COVID-19*.
- . 2022. *Global Wage Report 2022-23: The Impact of Inflation and COVID-19 on Wages and Purchasing Power*.
- . 2022. *Asia-Pacific Employment and Social Outlook 2022: Rethinking Sectoral Strategies for a Human-centred Future of Work*.
- IMF (International Monetary Fund). 2022. Database of Fiscal Policy Responses to COVID-19. <https://www.imf.org/en/Topics/imf-and-covid19/Fiscal-Policies-Database-in-Response-to-COVID-19>. Accessed 11 February 2022.
- . 2021. *Regional Economic Outlook, October 2021: Asia and Pacific*.
- Informal Sector Service Centre (INSEC). 2021. *Nepal Human Rights Year Book 2021*.
- Mansoor, Kashif, and Donal O'Neill. 2021. "Minimum Wage Compliance and Household Welfare: An Analysis of Over 1500 Minimum Wages in India". *World Development* 147 (November)
- Maré, David C. 2022. "The labor market in New Zealand, 2000–2021". *IZA World of Labor*, 427-427.
- World Bank. 2022. *Taking Stock, August 2022: Educate to Grow. Taking Stock*.
- . 2022a. *Thailand Economic Monitor: Fiscal Policy for a Resilient and Equitable Future*.
- . 2022b. *Malaysia Economic Monitor: Expanding Malaysia's Digital Frontier*.
- . 2022c. "The World Bank Data on Employment and Unemployment". <https://data.worldbank.org/indicator/SL.UEM.TOTL.ZS?view=chart>

Chi tiết liên hệ

Nhóm hỗ trợ Kỹ thuật Việc làm Thỏa đáng
của ILO khu vực Đông, Đông Nam Á và
Thái Bình Dương

Tòa nhà Liên hợp quốc
Rajdamner Nok Avenue
Bangkok 10200, Thailand

ĐT: +66 2288 1234
F: +66 2288 1735
E: estupinan@ilo.org
W: www.ilo.org/asiapacific